



PLĐC-2 - trắc nghiệm pháp luật đại cương, trường VLU

Pháp luật đại cương (Trường Đại học Văn Lang)



Scan to open on Studocu

I. Trắc nghiệm khách quan

1. Đặc trưng quyền lực Nhà nước:

- a. Quyền lực Nhà nước thuộc về một nhóm người, dùng áp chế những người còn lại.
- b. Quyền lực Nhà nước thuộc về số đông trong xã hội.
- c. Quyền lực Nhà nước chỉ do những người giàu có nắm giữ.
- d. Quyền lực Nhà nước được bảo đảm bởi pháp luật, tác động tới toàn bộ dân cư, các tổ chức trên phạm vi lãnh thổ quốc gia.

2. Quyền lực không xuất hiện trong xã hội Công xã nguyên thủy là:

- a. Quyền lực tự nhiên.
- b. Quyền lực thị tộc
- c. Quyền lực tôn giáo
- d. Quyền lực Nhà nước

3. Chủ quyền quốc gia được hiểu là:

- a. Quyền tự quyết về đối nội.
- b. Quyền tự quyết về đối ngoại.
- c. Quyền lực của quân đội trú đóng trên một bộ phận lãnh thổ nhất định
- d. Quyền tối cao của quốc gia trong phạm vi lãnh thổ của mình và quyền độc lập của quốc gia trong quan hệ quốc tế

4. Kiểu Nhà nước đầu tiên trong lịch sử loài người là:

- a. Phong kiến
- b. Chủ nô
- c. Tư sản
- d. Pháp quyền

5. Nguyên nhân sâu xa của sự thay thế kiểu Nhà nước là:

- a. Mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất trong một phương thức sản xuất xã hội
- b. Do cuộc cách mạng xã hội
- c. Do phương thức sản xuất mới được thiết lập
- d. Do một kiểu kiến trúc thượng tầng mới được xác lập

6. Những Nhà nước thuộc cùng “một kiểu” là:

- a. Những Nhà nước đều tồn tại trong một xã hội có giai cấp và mâu thuẫn giai cấp
- b. Những Nhà nước có cùng những đặc điểm, đặc trưng nhất định
- c. Những Nhà nước đều luôn vận động và biến đổi giống nhau

- d. Những Nhà nước đều xuất hiện một cách khách quan, là sản phẩm của sự phát triển tự nhiên của đời sống xã hội
7. *Xã hội từ xưa đến nay đã trải qua bao nhiêu kiểu Nhà nước:*
- a. 2 kiểu Nhà nước
 - b. 3 kiểu Nhà nước
 - c. 4 kiểu Nhà nước
 - d. 5 kiểu Nhà nước.
8. *Theo học thuyết Mác – Lênin, sự thay thế kiểu Nhà nước sau cho kiểu Nhà nước trước trong xã hội được thực hiện bằng:*
- a. Cuộc cách mạng xã hội
 - b. Quyền lực cá nhân
 - c. Đấu tranh chính trị
 - d. Thương lượng hòa bình.
9. *Hình thái kinh tế - xã hội không tồn tại kiểu Nhà nước tương ứng là:*
- a. Phong kiến
 - b. Chiếm hữu nô lệ
 - c. Công xã nguyên thủy
 - d. Tư bản chủ nghĩa.
10. *Nhà nước có tính giai cấp vì:*
- a. Nhà nước là công cụ cơ bản của quyền lực chính trị trong xã hội có giai cấp, bảo vệ và phục vụ lợi ích của giai cấp thống trị
 - b. Nhà nước là công cụ quan trọng do giai cấp tổ chức ra để trấn áp giai cấp đối kháng
 - c. Giai cấp và đấu tranh giai cấp là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự hình thành Nhà nước
 - d. Tất cả đều đúng.
11. *Nhà nước có tính xã hội vì:*
- a. Nhà nước ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý các công việc chung của xã hội
 - b. Nhà nước là một thiết chế quan trọng nhất để quản lý xã hội, duy trì trật tự, ổn định và phát triển của xã hội
 - c. Nhà nước sẽ không thể tồn tại nếu chỉ phục vụ lợi ích của giai cấp thống trị mà không chú ý đến lợi ích của các giai tầng khác trong xã hội
 - d. Tất cả đều đúng
12. *Bản chất Nhà nước thể hiện nội dung sau:*
- a. Tính Nhân dân

- b. Tính giai cấp của Nhà nước
- c. Tính xã hội của Nhà nước

d. Là mối quan hệ giữa tính giai cấp và tính xã hội của Nhà nước

13. “Nhà nước mang tính xã hội” là một trong những nội dung thuộc về:

- a. Quyền lực Nhà nước
- b. Chức năng Nhà nước
- c. Đặc trưng Nhà nước

d. Bản chất Nhà nước

14. Nội dung nào sau đây thể hiện bản chất của Nhà nước xã hội chủ nghĩa?

- a. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là sản phẩm của sự liên minh giữa giai cấp tư sản với giai cấp công nhân.
- b. Nhà nước xã hội chủ nghĩa có cơ sở kinh tế là quan hệ sản xuất dựa trên chế độ tư hữu kết hợp chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.
- c. Nhà nước xã hội chủ nghĩa chỉ thực hiện chức năng quản lý xã hội, không có chức năng cưỡng chế.

d. Nhà nước xã hội chủ nghĩa có bộ máy cưỡng chế của giai cấp công nhân và Nhân dân lao động lập ra để đàn áp sự phản kháng của tầng lớp bóc lột cũ đã bị lật đổ và các lực lượng chống đối khác.

15. Hình thức cấu trúc của Nhà nước có mấy dạng?

- a. 1
- b. 2
- c. 3
- d. 4

16. Nhà nước đơn nhất có những đặc điểm chủ yếu nào?

- a. Có chủ quyền chung, có sự thống nhất các đơn vị hành chính lãnh thổ.
- b. Có hệ thống cơ quan Nhà nước thống nhất từ trung ương đến địa phương.
- c. Có một hệ thống pháp luật thống nhất trên toàn lãnh thổ quốc gia.

d. Tập hợp cả 3 đặc điểm nêu trên.

17. Bản chất Nhà nước CHXHCN Việt Nam:

- a. Là tính giai cấp công nhân.
- b. Là tính Nhân dân.
- c. Là tính dân tộc.

d. Là sự thống nhất tính giai cấp công nhân, tính Nhân dân và tính dân tộc.

18. Tính giai cấp và tính xã hội của Nhà nước thể hiện:

- a. Bản chất của Nhà nước
- b. Kiểu Nhà nước

- c. Hình thức của Nhà nước
 - d. Đặc trưng của Nhà nước
19. “Nhà nước có quyền quy định và thu thuế dưới hình thức bắt buộc” là một trong những nội dung thể hiện:
- a. Chức năng của Nhà nước
 - b. Bản chất của Nhà nước
 - c. Hình thức của Nhà nước
 - d. Đặc điểm của Nhà nước
20. Chức năng của Nhà nước được hiểu là:
- a. Toàn bộ hoạt động của Nhà nước
 - b. Hoạt động của từng cơ quan Nhà nước
 - c. Nhiệm vụ chiến lược lâu dài của Nhà nước
 - d. Những phương diện hoạt động cơ bản, chủ yếu của Nhà nước nhằm thực hiện nhiệm vụ của Nhà nước
21. Việc phân chia các kiểu Nhà nước trong lịch sử là căn cứ vào:
- a. Hình thức chính thể của Nhà nước
 - b. Hình thái kinh tế xã hội
 - c. Cơ sở tư tưởng của giai cấp cầm quyền
 - d. Cơ sở xã hội của Nhà nước
22. “Cách thức tổ chức Nhà nước và những phương pháp cơ bản để thực hiện quyền lực Nhà nước” thuộc về:
- a. Hình thức Nhà nước
 - b. Chế độ chính trị
 - c. Hình thức chính thể
 - d. Hình thức cấu trúc Nhà nước
23. Sự cấu tạo Nhà nước thành các đơn vị hành chính lãnh thổ và xác lập mối quan hệ qua lại giữa chúng với nhau là:
- a. Hình thức Nhà nước
 - b. Chế độ chính trị
 - c. Hình thức cấu trúc Nhà nước
 - d. Hình thức chính thể
24. Nhà nước có hình thức cấu trúc liên bang là:
- a. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa
 - b. Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam
 - c. Cộng hòa Liên bang Đức
 - d. Vương quốc Campuchia

25. Hiện nay Nhà nước Việt Nam phân chia lãnh thổ thành:
- a. 44 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
 - b. 54 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
 - c. 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
 - d. 74 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
26. Nhà nước không có cấu trúc Nhà nước Liên bang là:
- a. Trung Quốc
 - b. Malaysia
 - c. Đức
 - d. Myanmar
27. Hình thức Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới góc độ chính thể là:
- a. Hình thức chính thể Quân chủ chuyên chế
 - b. Hình thức chính thể Cộng hoà Dân chủ tư sản
 - c. Hình thức chính thể Quân chủ lập hiến
 - d. Hình thức chính thể Cộng hoà Dân chủ Nhân dân
28. Sự cấu tạo Nhà nước thành các đơn vị hành chính lãnh thổ và xác lập mối quan hệ qua lại giữa chúng với nhau là nội dung phản ánh:
- a. Chế độ thị tộc – bộ lạc
 - b. Hình thức cấu trúc Nhà nước
 - c. Chế độ chính trị
 - d. Chính thể Cộng hoà Dân chủ
29. Nhà nước đơn nhất và Nhà nước Liên bang khác nhau về:
- a. Số lượng dân cư
 - b. Số lượng các đơn vị hành chính lãnh thổ
 - c. Tổ chức chính quyền
 - d. Chế độ chính trị
30. Theo quan điểm của học thuyết Mác - Lê nin khi đề cập tới nguồn gốc của Nhà nước cho rằng:
- a. Nhà nước là một gia tộc mở rộng, với quyền lực là quyền gia trưởng mở rộng.
 - b. Nhà nước do Thượng đế sáng tạo ra, có quyền lực vĩnh cửu.
 - c. Nhà nước là kết quả ký kết một khế ước của cộng đồng người lập ra.

- d. Nhà nước là sản phẩm tất yếu của những đối kháng giai cấp không thể điều hòa, do giai cấp nắm quyền lực về kinh tế tổ chức ra để bảo vệ lợi ích của giai cấp đó.

Bài 2 Chương 2

1. Tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội là:
 - a. Quy phạm pháp luật.
 - b. Ngành luật.
 - c. Chế định pháp luật.
 - d. Hệ thống pháp luật.
2. Ngành luật chủ đạo trong hệ thống pháp luật Việt Nam là:
 - a. Luật Hiến pháp.
 - b. Luật Dân sự.
 - c. Luật Hành chính.
 - d. Luật Hình sự.
3. Tổ chức xác lập và ban hành quy phạm pháp luật là:
 - a. Tôn giáo.
 - b. Trường học.
 - c. Nhà nước.
 - d. Tất cả đều đúng.
4. Thiên tai gây hậu quả nghiêm trọng cho con người luôn là:
 - a. Hành vi pháp lý.
 - b. Sự biến pháp lý.
 - c. Vi phạm pháp luật.
 - d. Hiện tượng xã hội.
5. Sự kiện pháp lý sau đây được xem là sự biến pháp lý:
 - a. Một người chết.
 - b. Lập di chúc thừa kế.
 - c. Đăng ký kết hôn.
 - d. Nhận nuôi con người.
6. Ý thức của chủ thể thuộc về:
 - a. Khách thể của vi phạm pháp luật.
 - b. Dấu hiệu của vi phạm pháp luật.
 - c. Mặt khách quan của vi phạm pháp luật.
 - d. Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật.

7. *Lỗi của chủ thể vi phạm pháp luật là một nội dung của:*
- Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật.
 - Mặt khách quan của vi phạm pháp luật.
 - Khách thể của vi phạm pháp luật.
 - Chủ thể của vi phạm pháp luật.
8. *Một trong những nội dung sau đây không phải là dấu hiệu của vi phạm pháp luật:*
- Hành vi xâm hại đến các quan hệ xã hội.
 - Thiệt hại xảy ra cho xã hội.
 - Hành vi nguy hiểm cho xã hội.
 - Hành vi trái pháp luật.
9. *Khả năng chủ thể tự chịu trách nhiệm về hành vi của mình trước Nhà nước là:*
- Năng lực tự nhiên của con người.
 - Năng lực hành vi của chủ thể quan hệ pháp luật.
 - Năng lực pháp luật của chủ thể quan hệ pháp luật.
 - Năng lực trách nhiệm pháp lý.
10. *Tiền lệ pháp là việc cơ quan Nhà nước:*
- Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
 - Căn cứ vào văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết một vụ việc có ý nghĩa pháp lý.
 - Sử dụng văn bản áp dụng pháp luật đã có hiệu lực của cơ quan xét xử để giải quyết vụ việc tương tự.
 - Giải quyết một vụ việc dựa trên trình độ hiểu biết pháp luật của thẩm phán.
11. *Quan hệ pháp luật được điều chỉnh bằng:*
- Quy phạm pháp luật.
 - Quy phạm tôn giáo và đạo đức.
 - Quy phạm tập quán.
 - Điều lệ của Đảng và nội quy của các tổ chức.
12. *Chủ thể của quan hệ pháp luật là:*
- Mọi cá nhân từ đủ 18 tuổi và có nhu cầu tham gia vào quan hệ pháp luật.
 - Mọi cá nhân, tổ chức có đủ điều kiện luật định và tham gia vào quan hệ pháp luật.
 - Mọi cá nhân có nhu cầu tham gia quan hệ pháp luật.
 - Mọi cá nhân, tổ chức trực tiếp tham gia vào quan hệ xã hội
13. *Năng lực pháp luật xuất hiện ở cá nhân khi:*
- Cá nhân được sinh ra và còn sống.

- b. Được đăng ký khai sinh tại Ủy ban Nhân dân.
 - c. Có khả năng nhận thức, làm chủ hành vi.
 - d. Đạt độ tuổi nhất định, do Nhà nước quy định.
14. *Những yếu tố cấu thành của vi phạm pháp luật là:*
- a. Chủ thể vi phạm, khách thể vi phạm.
 - b. Mặt chủ quan, chủ thể, khách thể và mặt khách quan của vi phạm pháp luật.
 - c. Hành vi trái pháp luật và khách thể vi phạm pháp luật.
 - d. Chủ thể, mặt khách quan của vi phạm pháp luật.
15. *Một trong những dấu hiệu của lỗi cố ý gián tiếp là:*
- a. Có ý thức để mặc hậu quả xảy ra.
 - b. Mong muốn hậu quả xảy ra.
 - c. Chủ thể không thấy trước hậu quả đó.
 - d. Tin tưởng hậu quả đó không xảy ra.
16. *Tính quy phạm phổ biến là đặc tính của:*
- a. Tôn giáo.
 - b. Pháp luật.
 - c. Đạo đức.
 - d. Chính trị.
17. *Hình thức pháp luật chủ yếu được áp dụng ở Việt Nam là:*
- a. Văn bản quy phạm pháp luật.
 - b. Tập quán pháp.
 - c. Tiền lệ pháp.
 - d. Học lý.
18. *Quy phạm pháp luật là những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc thể hiện ý chí của:*
- a. Tổ chức xã hội.
 - b. Tổ chức chính trị - xã hội.
 - c. Tổ chức kinh tế.
 - d. Nhà nước.
19. *Bộ phận của quy phạm pháp luật nêu lên biện pháp tác động của Nhà nước đối với chủ thể vi phạm pháp luật:*
- a. Quy định.
 - b. Chế tài.
 - c. Giả định.
 - d. Chế định.
20. *Các bộ phận quy phạm pháp luật sắp xếp theo thứ tự:*

- a. Giả định, quy định, chế tài.
 - b. Quy định, giả định, chế tài.
 - c. Chế tài, quy định, giả định.
 - d. Không theo thứ tự.
21. *Đưa trẻ khi sinh ra và còn sống được Nhà nước công nhận là chủ thể có:*
- a. Năng lực pháp luật.
 - b. Năng lực hành vi.
 - c. Năng lực chủ thể.
 - d. Năng lực hành vi không đầy đủ.
22. *Nội dung của quan hệ pháp luật là:*
- a. Những giá trị mà các chủ thể quan hệ pháp luật muốn đạt được.
 - b. Các bên tham gia vào quan hệ pháp luật.
 - c. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ pháp luật.
 - d. Đối tượng mà các chủ thể quan tâm khi tham gia vào quan hệ pháp luật.
23. *Hệ thống pháp luật Việt Nam là:*
- a. Hệ thống các văn bản áp dụng pháp luật.
 - b. Hệ thống các ngành luật.
 - c. Hệ thống quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
 - d. Là tổng thể các qui phạm pháp luật được phân định thành các chế định luật, ngành luật và được thể hiện trong các văn bản qui phạm pháp luật.
24. *Chế định pháp luật là:*
- a. Một nhóm qui phạm pháp luật cùng điều chỉnh một nhóm quan hệ xã hội có cùng tính chất.
 - b. Đơn vị nhỏ nhất cấu thành hệ thống pháp luật.
 - c. Tổng thể các qui phạm pháp luật có mối liên hệ thống nhất nhau.
 - d. Một hệ thống các qui phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội cùng loại trong một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội.
25. *Chế tài là bộ phận của qui phạm pháp luật có nội dung:*
- a. Dự liệu các biện pháp cưỡng chế Nhà nước.
 - b. Dự liệu hậu quả bất lợi mà Nhà nước dự kiến áp dụng đối với chủ thể vi phạm pháp luật.
 - c. Chỉ ra mối quan hệ giữa cơ quan điều tra với người phạm tội.
 - d. Chỉ ra mối quan hệ giữa chính quyền địa phương với chủ thể vi phạm.
26. *Bộ phận của qui phạm pháp luật nêu qui tắc xử sự của chủ thể là:*
- a. Chế tài.
 - b. Giả định.

- c. Quyết định.
 - d. Quy định.
27. Ý thức pháp luật là hiện tượng mang tính giai cấp vì:
- a. Luôn lạc hậu hơn so với tồn tại xã hội.
 - b. Phản ánh vượt trước so với tồn tại xã hội.
 - c. Là tổng thể ý thức pháp luật của tất cả các giai cấp trong xã hội.
 - d. Ý thức của giai cấp thống trị mới được thể hiện trong pháp luật.
28. Xét về nội dung, cấu trúc của ý thức pháp luật bao gồm:
- a. Hệ tư tưởng pháp luật và tâm lý pháp luật.
 - b. Ý thức pháp luật của giai cấp thống trị, giai cấp bị trị và các tầng lớp trung gian.
 - c. Thái độ của con người về hành vi hợp pháp hay không hợp pháp.
 - d. Tập hợp tình cảm của mọi giai cấp trong xã hội đối với pháp luật.
29. Tập quán pháp khác với tập quán thông thường ở chỗ:
- a. Là quy tắc xử sự hình thành từ thói quen ở địa phương và lặp đi lặp lại nhiều lần.
 - b. Là quy tắc xử sự chung mang tính vùng miền.
 - c. Là quy tắc xử sự chung và được Nhà nước đảm bảo thực hiện.
 - d. Là thói quen, phong tục địa phương và không cần Nhà nước bảo đảm thực hiện.
30. “Chủ thể thực hiện quyền của mình được Nhà nước cho phép” là một trong những hình thức thực hiện pháp luật sau:
- a. Sử dụng pháp luật.
 - b. Áp dụng pháp luật.
 - c. Tuân thủ pháp luật.
 - d. Thi hành pháp luật.
31. Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật là:
- a. Thái độ tiêu cực của chủ thể.
 - b. Những biểu hiện bên ngoài của vi phạm pháp luật.
 - c. Trạng thái tâm lý của chủ thể vi phạm pháp luật.
 - d. Năng lực hành vi của chủ thể vi phạm pháp luật.
32. Khi vi phạm pháp luật, chủ thể mong muốn đạt được kết quả cuối cùng là dấu hiệu:
- a. Chủ thể của vi phạm pháp luật.
 - b. Khách thể của vi phạm pháp luật.
 - c. Mặt khách quan của vi phạm pháp luật.

d. Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật.

33. Bản chất xã hội của pháp luật thể hiện ở giá trị, vai trò xã hội của pháp luật, đó là:

- a. Pháp luật thể hiện cả ý chí và lợi ích của các tầng lớp, giai cấp khác trong xã hội.
- b. Pháp luật mô hình hóa cách thức xử sự hợp lý, khách quan trong xã hội.
- c. Pháp luật là phương tiện để con người xác lập các quan hệ xã hội.

d. Tất cả đều đúng.

34. Bản chất giai cấp của pháp luật thể hiện:

- a. Pháp luật thể hiện ý chí nhà nước của giai cấp cầm quyền.
- b. Pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội và định hướng cho các quan hệ xã hội cơ bản, phổ biến, điển hình phát triển theo một trật tự nhất định phù hợp lợi ích của giai cấp thống trị.
- c. Pháp luật là công cụ hữu hiệu để nhà nước quản lý xã hội, bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị.

d. Tất cả đều đúng.

CÂU HỎI ÔN TẬP DẠNG TRẮC NGHIỆM

1. Nhận định nào sau đây là ĐÚNG?

- a. Luật Hiến pháp là một quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
- b. Luật Hiến pháp là một chế định pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
- c. Luật Hiến pháp là một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
- d. Luật Hiến pháp là không phải là một thành phần trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

2. Hiến pháp là:

- a. Đạo luật cơ bản của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- b. Văn bản có giá trị pháp lý thấp hơn Nghị định.
- c. Là văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.
- d. Là văn bản có hiệu lực pháp lý dưới luật.

3. Lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội Việt Nam hiện nay là:

- a. Mặt trận tổ quốc Việt Nam.
- b. Chủ tịch nước.
- c. Chính phủ.
- d. Đảng Cộng sản Việt Nam.

4. *Lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm:*
- a. Đất liền, vùng nước và vùng trời.
 - b. Đất liền, hải đảo, vùng trời và vùng nước.
 - c. Hải đảo, vùng biển, đất liền và vùng trời.
 - d. Vùng đất, biển đảo và vùng trời.
5. *Mọi người có quyền:*
- a. Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm.
 - b. Tự do kinh doanh mọi ngành, nghề.
 - c. Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật cho phép.
 - d. Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật cho phép.
6. *Công dân có quyền ứng cử vào Quốc hội khi:*
- a. Đủ mười tám tuổi trở lên.
 - b. Đủ hai mươi tuổi trở lên.
 - c. Đủ hai mươi một tuổi trở lên.

- d. Đủ hai mươi hai tuổi trở lên.
7. *Nền tảng của quyền lực Nhà nước ở Việt Nam là liên minh giữa:*
- a. Giai cấp công nhân với giai cấp nông dân.
 - b. Giai cấp nông nhân và đội ngũ trí thức.
 - c. **Giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.**
 - d. Giai cấp thương nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.
2. *Nền kinh tế của Việt Nam là:*
- a. Nền kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp.
 - b. Nền kinh tế thị trường tư sản.
 - c. Nền kinh tế bao cấp gồm nhiều thành phần kinh tế.
 - d. **Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.**
3. *Nhận định nào sau đây là SAI?*
- a. **Nhà nước là lực lượng lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam.**
 - b. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam.
 - c. Đảng Cộng sản Việt Nam chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình.
 - d. Đảng Cộng sản Việt Nam gần bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân.
4. *Tại Việt Nam, quyền con người và quyền công dân:*
- a. Chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của pháp luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.
 - b. Không thể bị hạn chế theo quy định của luật dù trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.
 - c. **Chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.**
 - d. Chỉ có thể bị hạn chế theo quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ.
5. *Nhận định nào sau đây là SAI?*
- a. Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam.

- b. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài là bộ phận tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam.
 - c. Công dân Việt Nam ở nước ngoài được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo hộ.
 - d. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật.
6. *Độ tuổi công dân Việt Nam có quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân là:*
- a. Đủ mười tám tuổi trở lên.
 - b. Đủ mười chín tuổi trở lên.
 - c. Đủ hai mươi tuổi trở lên.
 - d. Đủ hai mươi một tuổi trở lên.
7. *Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi:*
- a. Được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án sơ thẩm.
 - b. Được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Ủy ban Nhân dân đã có hiệu lực pháp luật.
 - c. Được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Viện Kiểm sát Nhân dân đã có hiệu lực pháp luật.
 - d. Được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.
8. *Nền kinh tế Việt Nam:*
- a. Có một hình thức sở hữu.
 - b. Có hai thành phần kinh tế.
 - c. Có kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo.
 - d. Có kinh tế tư nhân giữ vai trò chủ đạo.
9. *Tại Việt Nam, đất đai là:*
- a. Tài sản chung thuộc sở hữu toàn dân.
 - b. Tài sản công thuộc sở hữu Nhà nước.
 - c. Tài sản chung thuộc sở hữu Nhà nước.
 - d. Tài sản công thuộc sở hữu toàn dân.
10. *Tổ chức nào sau đây không phải là tổ chức chính trị - xã hội?*
- a. Hội nông dân Việt Nam.
 - b. Hội cựu chiến binh Việt Nam.

- c. Đảng Cộng sản Việt Nam.
 - d. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.
11. Tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp công nhân và của người lao động được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện cho người lao động, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, được gọi là:
- a. Công đoàn Việt Nam.
 - b. Hội Liên hiệp người lao động Việt Nam.
 - c. Hội công nhân Việt Nam.
 - d. Công đoàn lao động Việt Nam.
12. Quốc kỳ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có:
- a. Chiều rộng bằng hai phần ba chiều dài.
 - b. Chiều dài bằng hai phần ba chiều rộng.
 - c. Chiều rộng bằng một phần hai chiều dài.
 - d. Chiều dài bằng một phần hai chiều rộng.
13. Tài sản nào sau đây không phải là tài sản thuộc sở hữu toàn dân?
- a. Tài nguyên nước.
 - b. Tài nguyên khoáng sản.
 - c. Nguồn lợi ở vùng biển.
 - d. Tài sản do cá nhân đầu tư.
14. Quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam hiện nay là:
- a. Phát triển khoa học và công nghệ.
 - b. Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
 - c. Phát triển giáo dục.
 - d. Phát triển kinh tế.
15. Luật Hành chính là một ngành luật:
- a. Thuộc ngành Luật Hiến pháp.
 - b. Thuộc ngành Luật Hình sự.
 - c. Thuộc ngành Luật Dân sự.
 - d. Ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
16. Luật Hành chính điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực:
- a. Quản lý hành chính Nhà nước.
 - b. Mọi lĩnh vực xã hội.

- c. Lĩnh vực vi phạm hành chính.
- d. Lĩnh vực dân sự.

17. Phương pháp điều chỉnh chủ yếu của Luật Hành chính là:

- a. Phương pháp mệnh lệnh.
- b. Phương pháp thuyết phục.
- c. Phương pháp giáo dục.
- d. Phương pháp tổ chức.

18. Quyết định hành chính là:

- a. Quyết định của các bộ phận hành chính trong cơ quan Nhà nước.
- b. Những quyết định quy phạm.
- c. Những quyết định cá biệt.
- d. Quyết định trong lĩnh vực Quản lý hành chính Nhà nước.

19. Nhận định nào sau đây là chính xác và đầy đủ nhất?

- a. Quan hệ pháp luật hành chính là một dạng quan hệ pháp luật.
- b. Quan hệ pháp luật hành chính là một dạng của quan hệ pháp luật, phát sinh trong lĩnh vực Quản lý hành chính Nhà nước, được điều chỉnh bởi quy phạm pháp luật hành chính.
- c. Quan hệ pháp luật hành chính là một dạng quan hệ xã hội.
- d. Quan hệ pháp luật hành chính là giữa Nhà nước và công dân.

20. Chủ thể quan hệ pháp luật hành chính:

- a. Là các bên có năng lực chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật hành chính, mang quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo quy định của pháp luật hành chính.
- b. Là các cơ quan hành chính Nhà nước.
- c. Là các cơ quan Nhà nước, các tổ chức và công dân.
- d. Là những người có thẩm quyền ban hành quyết định hành chính.

21. Đâu là khách thể của quan hệ pháp luật hành chính?

- a. Lợi ích của công dân tham gia quan hệ pháp luật hành chính.
- b. Các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.
- c. Lợi ích của Nhà nước.
- d. Trật tự quản lý hành chính Nhà nước.

22. Dấu hiệu nào sau đây không phải là dấu hiệu của vi phạm hành chính?

- a. Hành vi đó trái pháp luật, xâm phạm các quy tắc quản lý hành chính Nhà nước
 - b. Đối với tổ chức vi phạm hành chính thì yếu tố lỗi phải được xác định ở từng con người cụ thể của tổ chức
 - c. Hành vi đó được pháp luật quy định phải bị xử lý hành chính
 - d. Hành vi đó trái pháp luật và bị pháp luật hình sự quy định là tội phạm.
23. Lĩnh vực nào là giới hạn của quan hệ pháp luật hành chính?
- a. Lĩnh vực Nhà nước
 - b. Lĩnh vực chính trị
 - c. Lĩnh vực kinh tế
 - d. Lĩnh vực Quản lý hành chính Nhà nước
24. Căn cứ vào tính chất pháp lý của quyết định hành chính, người ta phân loại quyết định hành chính thành:
- a. Quyết định chủ đạo, quyết định quy phạm, quyết định cá biệt
 - b. Quyết định kỷ luật, quyết định điều động, quyết định chủ đạo
 - c. Quyết định quy phạm, quyết định kỷ luật, quyết định cá biệt
 - d. Quyết định chung, quyết định cá biệt, quyết định đặc biệt
25. Quyết định hành chính được ban hành nhằm mục đích chung nhất sau đây:
- a. Giải quyết những nhiệm vụ quản lý hành chính Nhà nước, hướng đến mục tiêu của cơ quan hành chính Nhà nước và được đặt trong tổng thể mục tiêu quốc gia
 - b. Thể hiện quyền lực của người lãnh đạo địa phương
 - c. Giải quyết vấn đề đối nội của Nhà nước
 - d. Giải quyết vấn đề phát triển kinh tế của các doanh nghiệp
26. Đâu không phải là dấu hiệu đặc trưng của quyết định hành chính?
- a. Tính pháp lý
 - b. Tính dưới luật
 - c. Tính ý chí và quyền lực đơn phương của Nhà nước
 - d. Tính thống nhất với tập quán
27. Đâu không phải là một loại quan hệ pháp luật hành chính?
- a. Quan hệ pháp luật hành chính dọc
 - b. Quan hệ pháp luật hành chính ngang
 - c. Quan hệ pháp luật hành chính về quản lý kinh tế - văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng

d. Quan hệ pháp luật hành chính không lệ thuộc.

28. *Đâu không phải là nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính?*

a. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp chứng minh mình không vi phạm hành chính

b. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 03 lần mức phạt tiền đối với cá nhân

c. Mọi vi phạm hành chính phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh

d. Mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật

29. *Đâu là một trong những nguyên tắc của xử phạt vi phạm hành chính?*

a. Việc xử phạt vi phạm hành chính được tiến hành nhanh chóng, công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, bảo đảm công bằng, đúng quy định của pháp luật

b. Có thể xử phạt vi phạm hành chính khi có hành vi vi phạm hành chính không do pháp luật quy định

c. Việc xử phạt vi phạm hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, đối tượng vi phạm mà không cần tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng

d. Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì chỉ xử phạt về hành vi vi phạm hành chính của một người có tính đại diện

30. *Biện pháp xử lý hành chính là biện pháp được áp dụng đối với cá nhân vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội mà không phải là tội phạm, bao gồm những biện pháp nào sau đây?*

a. Giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

b. Đưa vào trường giáo dưỡng;

c. Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

d. Tất cả những biện pháp trên

31. *Đối với người chưa thành niên vi phạm hành chính, có thể được áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính nào sau đây?*

a. Biện pháp nhắc nhở và biện pháp quản lý tại gia đình

b. Biện pháp phạt tiền

c. Biện pháp buộc nghỉ học một thời gian nhất định

d. Biện pháp buộc cha mẹ nộp tiền phạt thay thế.

32. Công chức là công dân Việt Nam, được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh tương ứng với vị trí việc làm:

- a. trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện;
- b. trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội Nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng;
- c. trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an Nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp, công nhân công an, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách Nhà nước

d. Cả 3 đáp án đều đúng

33. Viên chức là:

- a. Công dân Việt Nam được tuyển dụng theo vị trí việc làm, làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ hợp đồng làm việc, hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật
- b. Công dân Việt Nam được tuyển dụng theo vị trí việc làm cho một cơ quan.
- c. Công dân Việt Nam được tuyển dụng theo vị trí việc làm cho một doanh nghiệp
- d. Cả a, b, c

34. Vụ việc nào sau đây thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án Nhân dân cấp huyện?

- a. Khiếu kiện danh sách cử tri của cơ quan lập danh sách cử tri trên phạm vi địa giới hành chính các huyện trong tỉnh.
- b. Khiếu kiện danh sách cử tri của cơ quan lập danh sách cử tri trên phạm vi địa giới hành chính các huyện trong cả nước.
- c. Khiếu kiện danh sách cử tri của cơ quan lập danh sách cử tri trên phạm vi địa giới hành chính một số huyện theo phân công.
- d. Khiếu kiện danh sách cử tri của cơ quan lập danh sách cử tri trên cùng phạm vi địa giới hành chính với Tòa án.

35. Người tiến hành tố tụng hành chính:

- a. Là người có những nhiệm vụ, quyền hạn nhất định trong giải quyết vụ án hành chính theo quy định của pháp luật.
- b. Chỉ gồm những người chủ tọa phiên tòa hành chính.

- c. Chỉ gồm những người thuộc Tòa án Nhân dân tham gia trong phiên tòa hành chính.
 - d. Chỉ gồm những người thuộc Viện kiểm sát Nhân dân tham gia trong phiên tòa hành chính.
36. *Tòa án Nhân dân cấp nào xét xử vụ khiếu kiện quyết định kỷ luật buộc thôi việc công chức giữ chức vụ từ Tổng Cục trưởng và tương đương trở xuống?*
- a. Tòa án Nhân dân tối cao.
 - b. Tòa án Nhân dân cấp tỉnh.
 - c. **Tòa án Nhân dân cấp huyện.**
 - d. Không thuộc trách nhiệm của Tòa án.
37. *Thế nào là tham nhũng theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018?*
- a. Tham nhũng là hành vi của cán bộ, công chức Nhà nước đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi.
 - b. Tham nhũng là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi.
 - c. **Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi.**
 - d. Tham nhũng là hành vi cửa quyền, hách dịch, đòi hỏi, gây khó khăn, phiền hà của người có chức vụ, quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ.
38. *Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, công dân có quyền gì trong công tác phòng, chống tham nhũng?*
- a. Công dân chỉ có quyền phát hiện nhà báo tin về hành vi tham nhũng.
 - b. Công dân chỉ có quyền giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.
 - c. Công dân chỉ có quyền phát hiện, kiến nghị với cơ quan Nhà nước hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng và giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.
 - d. **Công dân có quyền phát hiện, phản ánh, tố cáo, tố giác, báo tin về hành vi tham nhũng và được bảo vệ, khen thưởng theo quy định của pháp luật; có quyền kiến nghị với cơ quan Nhà nước hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng và giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.**

39. Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác là bao nhiêu năm?
- a. Từ đủ 02 năm đến 05 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.
 - b. Từ đủ 03 năm đến 06 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.
 - c. Từ đủ 02 năm đến 04 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.
 - d. Từ đủ 04 năm đến 05 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.
40. Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, có bao nhiêu hình thức công khai về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị?
- a. 5 hình thức.
 - b. 6 hình thức.
 - c. 7 hình thức.
 - d. 8 hình thức.
41. Theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, việc tặng quà của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn được quy định như thế nào?
- a. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn không được sử dụng tài chính công, tài sản công làm quà tặng, trừ trường hợp tặng quà vì mục đích từ thiện, đối ngoại và trong trường hợp cần thiết khác theo quy định của pháp luật.
 - b. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn tuyệt đối không được sử dụng tài chính công, tài sản công làm quà tặng,
 - c. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn được sử dụng tài chính công, tài sản công làm quà tặng.
 - d. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn chỉ được sử dụng tài chính công, tài sản công làm quà tặng, vì mục đích từ thiện.
42. Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, tài sản, thu nhập nào dưới đây không thuộc tài sản, thu nhập phải kê khai?
- a. Quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất, nhà ở, công trình xây dựng.
 - b. Kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và động sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên.
 - c. Tài sản, tài khoản ở nước ngoài.
 - d. Giấy tờ có giá có giá trị đến dưới 50.000.000 đồng.

43. Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, nội dung xác minh tài sản, thu nhập trong công tác kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị như thế nào?

- a. Tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai; tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm.
- b. Tính rõ ràng của bản kê khai và trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm.
- c. Tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai.
- d. Tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm.

44. Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, người kê khai tài sản, thu nhập phải có nghĩa vụ gì?

- a. Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của mình.
- b. Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của mình, của vợ hoặc chồng.
- c. Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của mình, của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên theo quy định của Luật này.
- d. Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của mình, con chưa thành niên.

45. Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, công tác kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị bao gồm những hình thức nào?

- a. Kiểm tra thường xuyên được tiến hành theo chương trình, kế hoạch và tập trung vào lĩnh vực, hoạt động dễ phát sinh tham nhũng
- b. Chỉ kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng.
- c. Kiểm tra thường xuyên được tiến hành theo chương trình, kế hoạch và tập trung vào lĩnh vực, hoạt động dễ phát sinh tham nhũng; kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng.
- d. Kiểm tra thường xuyên và kiểm tra đột xuất.

Trắc nghiệm khách quan

35. Tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội là:

- a. Quy phạm pháp luật.

- b. Ngành luật.
- c. Chế định pháp luật.
- d. Hệ thống pháp luật.
36. *Ngành luật chủ đạo trong hệ thống pháp luật Việt Nam là:*
- a. Luật Hiến pháp.
- b. Luật Dân sự.
- c. Luật Hành chính.
- d. Luật Hình sự.
37. *Tổ chức xác lập và ban hành quy phạm pháp luật là:*
- a. Tôn giáo.
- b. Trường học.
- c. Nhà nước.
- d. Tất cả đều đúng.
38. *Thiên tai gây hậu quả nghiêm trọng cho con người luôn là:*
- a. Hành vi pháp lý.
- b. Sự biến pháp lý.
- c. Vi phạm pháp luật.
- d. Hiện tượng xã hội.
39. *Sự kiện pháp lý sau đây được xem là sự biến pháp lý:*
- a. Một người chết.
- b. Lập di chúc thừa kế.
- c. Đăng ký kết hôn.
- d. Nhận nuôi con người.
40. *Ý thức của chủ thể thuộc về:*
- a. Khách thể của vi phạm pháp luật.
- b. Dấu hiệu của vi phạm pháp luật.
- c. Mặt khách quan của vi phạm pháp luật.
- d. Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật.
41. *Lỗi của chủ thể vi phạm pháp luật là một nội dung của:*
- a. Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật.
- b. Mặt khách quan của vi phạm pháp luật.
- c. Khách thể của vi phạm pháp luật.
- d. Chủ thể của vi phạm pháp luật.
42. *Một trong những nội dung sau đây không phải là dấu hiệu của vi phạm pháp luật:*
- a. Hành vi xâm hại đến các quan hệ xã hội.

- b. Thiệt hại xảy ra cho xã hội.
 - c. Hành vi nguy hiểm cho xã hội.
 - d. Hành vi trái pháp luật.
43. Khả năng chủ thể tự chịu trách nhiệm về hành vi của mình trước Nhà nước là:
- a. Năng lực tự nhiên của con người.
 - b. Năng lực hành vi của chủ thể quan hệ pháp luật.
 - c. Năng lực pháp luật của chủ thể quan hệ pháp luật.
 - d. Năng lực trách nhiệm pháp lý.
44. Tiền lệ pháp là việc cơ quan Nhà nước:
- a. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
 - b. Căn cứ vào văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết một vụ việc có ý nghĩa pháp lý.
 - c. Sử dụng văn bản áp dụng pháp luật đã có hiệu lực của cơ quan xét xử để giải quyết vụ việc tương tự.
 - d. Giải quyết một vụ việc dựa trên trình độ hiểu biết pháp luật của thẩm phán.
45. Quan hệ pháp luật được điều chỉnh bằng:
- a. Quy phạm pháp luật.
 - b. Quy phạm tôn giáo và đạo đức.
 - c. Quy phạm tập quán.
 - d. Điều lệ của Đảng và nội quy của các tổ chức.
46. Chủ thể của quan hệ pháp luật là:
- a. Mọi cá nhân từ đủ 18 tuổi và có nhu cầu tham gia vào quan hệ pháp luật.
 - b. Mọi cá nhân, tổ chức có đủ điều kiện luật định và tham gia vào quan hệ pháp luật.
 - c. Mọi cá nhân có nhu cầu tham gia quan hệ pháp luật.
 - d. Mọi cá nhân, tổ chức trực tiếp tham gia vào quan hệ xã hội
47. Năng lực pháp luật xuất hiện ở cá nhân khi:
- a. Cá nhân được sinh ra và còn sống.
 - b. Được đăng ký khai sinh tại Ủy ban Nhân dân.
 - c. Có khả năng nhận thức, làm chủ hành vi.
 - d. Đạt độ tuổi nhất định, do Nhà nước quy định.
48. Những yếu tố cấu thành của vi phạm pháp luật là:
- a. Chủ thể vi phạm, khách thể vi phạm.
 - b. Mặt chủ quan, chủ thể, khách thể và mặt khách quan của vi phạm pháp luật.
 - c. Hành vi trái pháp luật và khách thể vi phạm pháp luật.
 - d. Chủ thể, mặt khách quan của vi phạm pháp luật.

49. Một trong những dấu hiệu của lỗi cố ý gián tiếp là:

- a. Có ý thức để mặc hậu quả xảy ra.
- b. Mong muốn hậu quả xảy ra.
- c. Chủ thể không thấy trước hậu quả đó.
- d. Tin tưởng hậu quả đó không xảy ra.

50. Tính quy phạm phổ biến là đặc tính của:

- e. Tôn giáo.
- f. Pháp luật.
- g. Đạo đức.
- h. Chính trị.

51. Hình thức pháp luật chủ yếu được áp dụng ở Việt Nam là:

- a. Văn bản quy phạm pháp luật.
- b. Tập quán pháp.
- c. Tiền lệ pháp.
- d. Học lý.

52. Quy phạm pháp luật là những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc thể hiện ý chí của:

- a. Tổ chức xã hội.
- b. Tổ chức chính trị - xã hội.
- c. Tổ chức kinh tế.
- d. Nhà nước.

53. Bộ phận của quy phạm pháp luật nêu lên biện pháp tác động của Nhà nước đối với chủ thể vi phạm pháp luật:

- a. Quy định.
- b. Chế tài.
- c. Giả định.
- d. Chế định.

54. Các bộ phận quy phạm pháp luật sắp xếp theo thứ tự:

- a. Giả định, quy định, chế tài.
- b. Quy định, giả định, chế tài.
- c. Chế tài, quy định, giả định.
- d. Không theo thứ tự.

55. Đứa trẻ khi sinh ra và còn sống được Nhà nước công nhận là chủ thể có:

- a. Năng lực pháp luật.
- b. Năng lực hành vi.
- c. Năng lực chủ thể.

- d. Năng lực hành vi không đầy đủ.
56. *Nội dung của quan hệ pháp luật là:*
- a. Những giá trị mà các chủ thể quan hệ pháp luật muốn đạt được.
 - b. Các bên tham gia vào quan hệ pháp luật.
 - c. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ pháp luật.
 - d. Đối tượng mà các chủ thể quan tâm khi tham gia vào quan hệ pháp luật.
57. *Hệ thống pháp luật Việt Nam là:*
- a. Hệ thống các văn bản áp dụng pháp luật.
 - b. Hệ thống các ngành luật.
 - c. Hệ thống quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
 - d. Là tổng thể các qui phạm pháp luật được phân định thành các chế định luật, ngành luật và được thể hiện trong các văn bản qui phạm pháp luật.
58. *Chế định pháp luật là:*
- a. Một nhóm qui phạm pháp luật cùng điều chỉnh một nhóm quan hệ xã hội có cùng tính chất.
 - b. Đơn vị nhỏ nhất cấu thành hệ thống pháp luật.
 - c. Tổng thể các qui phạm pháp luật có mối liên hệ thống nhất nhau.
 - d. Một hệ thống các qui phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội cùng loại trong một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội.
59. *Chế tài là bộ phận của qui phạm pháp luật có nội dung:*
- a. Dự liệu các biện pháp cưỡng chế Nhà nước.
 - b. Dự liệu hậu quả bất lợi mà Nhà nước dự kiến áp dụng đối với chủ thể vi phạm pháp luật.
 - c. Chỉ ra mối quan hệ giữa cơ quan điều tra với người phạm tội.
 - d. Chỉ ra mối quan hệ giữa chính quyền địa phương với chủ thể vi phạm.
60. *Bộ phận của qui phạm pháp luật nêu qui tắc xử sự của chủ thể là:*
- a. Chế tài.
 - b. Giả định.
 - c. Quyết định.
 - d. Qui định.
61. *Ý thức pháp luật là hiện tượng mang tính giai cấp vì:*
- a. Luôn lạc hậu hơn so với tồn tại xã hội.
 - b. Phản ánh vượt trước so với tồn tại xã hội.
 - c. Là tổng thể ý thức pháp luật của tất cả các giai cấp trong xã hội.
 - d. Ý thức của giai cấp thống trị mới được thể hiện trong pháp luật.
62. *Xét về nội dung, cấu trúc của ý thức pháp luật bao gồm:*

- a. Hệ tư tưởng pháp luật và tâm lý pháp luật.
 - b. Ý thức pháp luật của giai cấp thống trị, giai cấp bị trị và các tầng lớp trung gian.
 - c. Thái độ của con người về hành vi hợp pháp hay không hợp pháp.
 - d. Tập hợp tình cảm của mọi giai cấp trong xã hội đối với pháp luật.
63. Tập quán pháp khác với tập quán thông thường ở chỗ:
- a. Là quy tắc xử sự hình thành từ thói quen ở địa phương và lặp đi lặp lại nhiều lần.
 - b. Là quy tắc xử sự chung mang tính vùng miền.
 - c. Là quy tắc xử sự chung và được Nhà nước đảm bảo thực hiện.
 - d. Là thói quen, phong tục địa phương và không cần Nhà nước bảo đảm thực hiện.
64. “Chủ thể thực hiện quyền của mình được Nhà nước cho phép” là một trong những hình thức thực hiện pháp luật sau:
- a. Sử dụng pháp luật.
 - b. Áp dụng pháp luật.
 - c. Tuân thủ pháp luật.
 - d. Thi hành pháp luật.
65. Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật là:
- a. Thái độ tiêu cực của chủ thể.
 - b. Những biểu hiện bên ngoài của vi phạm pháp luật.
 - c. Trạng thái tâm lý của chủ thể vi phạm pháp luật.
 - d. Năng lực hành vi của chủ thể vi phạm pháp luật.
66. Khi vi phạm pháp luật, chủ thể mong muốn đạt được kết quả cuối cùng là dấu hiệu:
- a. Chủ thể của vi phạm pháp luật.
 - b. Khách thể của vi phạm pháp luật.
 - c. Mặt khách quan của vi phạm pháp luật.
 - d. Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật.
67. Bản chất xã hội của pháp luật thể hiện ở giá trị, vai trò xã hội của pháp luật, đó là:
- a. Pháp luật thể hiện cả ý chí và lợi ích của các tầng lớp, giai cấp khác trong xã hội.
 - b. Pháp luật mô hình hóa cách thức xử sự hợp lý, khách quan trong xã hội.
 - c. Pháp luật là phương tiện để con người xác lập các quan hệ xã hội.
 - d. Tất cả đều đúng.

68. *Bản chất giai cấp của pháp luật thể hiện:*

- a. Pháp luật thể hiện ý chí nhà nước của giai cấp cầm quyền.
- b. Pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội và định hướng cho các quan hệ xã hội cơ bản, phổ biến, điển hình phát triển theo một trật tự nhất định phù hợp lợi ích của giai cấp thống trị.
- c. Pháp luật là công cụ hữu hiệu để nhà nước quản lý xã hội, bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị.
- d. **Tất cả đều đúng.**

CÂU HỎI ÔN TẬP DẠNG TRẮC NGHIỆM

1. *Nhận định nào sau đây là ĐÚNG?*

- a. **Luật Hiến pháp là một quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.**
- b. Luật Hiến pháp là một chế định pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
- c. Luật Hiến pháp là một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
- d. Luật Hiến pháp là không phải là một thành phần trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

2. *Hiến pháp là:*

- a. Đạo luật cơ bản của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- b. Văn bản có giá trị pháp lý thấp hơn Nghị định.
- c. **Là văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.**
- d. Là văn bản có hiệu lực pháp lý dưới luật.

3. *Lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội Việt Nam hiện nay là:*

- a. Mặt trận tổ quốc Việt Nam.
- b. Chủ tịch nước.
- c. Chính phủ.
- d. **Đảng Cộng sản Việt Nam.**

4. *Lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm:*

- a. Đất liền, vùng nước và vùng trời.
- b. Đất liền, hải đảo, vùng trời và vùng nước.
- c. **Hải đảo, vùng biển, đất liền và vùng trời.**
- d. Vùng đất, biển đảo và vùng trời.

5. *Mọi người có quyền:*

- a. **Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm.**
- b. Tự do kinh doanh mọi ngành, nghề.

- c. Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật cho phép.
 - d. Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật cho phép.
6. *Công dân có quyền ứng cử vào Quốc hội khi:*
- a. Đủ mười tám tuổi trở lên.
 - b. Đủ hai mươi tuổi trở lên.
 - c. Đủ hai mươi một tuổi trở lên.

- d. Đủ hai mươi hai tuổi trở lên.
7. *Nền tảng của quyền lực Nhà nước ở Việt Nam là liên minh giữa:*
- a. Giai cấp công nhân với giai cấp nông dân.
 - b. Giai cấp nông nhân và đội ngũ trí thức.
 - c. **Giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.**
 - d. Giai cấp thương nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.
2. *Nền kinh tế của Việt Nam là:*
- a. Nền kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp.
 - b. Nền kinh tế thị trường tư sản.
 - c. Nền kinh tế bao cấp gồm nhiều thành phần kinh tế.
 - d. **Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.**
3. *Nhận định nào sau đây là SAI?*
- a. **Nhà nước là lực lượng lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam.**
 - b. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam.
 - c. Đảng Cộng sản Việt Nam chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình.
 - d. Đảng Cộng sản Việt Nam gần bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân.
4. *Tại Việt Nam, quyền con người và quyền công dân:*
- a. Chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của pháp luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.
 - b. Không thể bị hạn chế theo quy định của luật dù trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.
 - c. **Chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.**
 - d. Chỉ có thể bị hạn chế theo quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ.
5. *Nhận định nào sau đây là SAI?*
- a. Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam.

- b. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài là bộ phận tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam.
 - c. Công dân Việt Nam ở nước ngoài được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo hộ.
 - d. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật.
6. *Độ tuổi công dân Việt Nam có quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân là:*
- a. Đủ mười tám tuổi trở lên.
 - b. Đủ mười chín tuổi trở lên.
 - c. Đủ hai mươi tuổi trở lên.
 - d. Đủ hai mươi một tuổi trở lên.
7. *Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi:*
- a. Được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án sơ thẩm.
 - b. Được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Ủy ban Nhân dân đã có hiệu lực pháp luật.
 - c. Được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Viện Kiểm sát Nhân dân đã có hiệu lực pháp luật.
 - d. Được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.
8. *Nền kinh tế Việt Nam:*
- a. Có một hình thức sở hữu.
 - b. Có hai thành phần kinh tế.
 - c. Có kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo.
 - d. Có kinh tế tư nhân giữ vai trò chủ đạo.
9. *Tại Việt Nam, đất đai là:*
- a. Tài sản chung thuộc sở hữu toàn dân.
 - b. Tài sản công thuộc sở hữu Nhà nước.
 - c. Tài sản chung thuộc sở hữu Nhà nước.
 - d. Tài sản công thuộc sở hữu toàn dân.
10. *Tổ chức nào sau đây không phải là tổ chức chính trị - xã hội?*
- a. Hội nông dân Việt Nam.
 - b. Hội cựu chiến binh Việt Nam.

- c. Đảng Cộng sản Việt Nam.
 - d. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.
11. Tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp công nhân và của người lao động được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện cho người lao động, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, được gọi là:
- a. Công đoàn Việt Nam.
 - b. Hội Liên hiệp người lao động Việt Nam.
 - c. Hội công nhân Việt Nam.
 - d. Công đoàn lao động Việt Nam.
12. Quốc kỳ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có:
- a. Chiều rộng bằng hai phần ba chiều dài.
 - b. Chiều dài bằng hai phần ba chiều rộng.
 - c. Chiều rộng bằng một phần hai chiều dài.
 - d. Chiều dài bằng một phần hai chiều rộng.
13. Tài sản nào sau đây không phải là tài sản thuộc sở hữu toàn dân?
- a. Tài nguyên nước.
 - b. Tài nguyên khoáng sản.
 - c. Nguồn lợi ở vùng biển.
 - d. Tài sản do cá nhân đầu tư.
14. Quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam hiện nay là:
- a. Phát triển khoa học và công nghệ.
 - b. Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
 - c. Phát triển giáo dục.
 - d. Phát triển kinh tế.
15. Luật Hành chính là một ngành luật:
- a. Thuộc ngành Luật Hiến pháp.
 - b. Thuộc ngành Luật Hình sự.
 - c. Thuộc ngành Luật Dân sự.
 - d. Ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
16. Luật Hành chính điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực:
- a. Quản lý hành chính Nhà nước.
 - b. Mọi lĩnh vực xã hội.

- c. Lĩnh vực vi phạm hành chính.
- d. Lĩnh vực dân sự.

17. Phương pháp điều chỉnh chủ yếu của Luật Hành chính là:

- a. Phương pháp mệnh lệnh.
- b. Phương pháp thuyết phục.
- c. Phương pháp giáo dục.
- d. Phương pháp tổ chức.

18. Quyết định hành chính là:

- a. Quyết định của các bộ phận hành chính trong cơ quan Nhà nước.
- b. Những quyết định quy phạm.
- c. Những quyết định cá biệt.
- d. Quyết định trong lĩnh vực Quản lý hành chính Nhà nước.

19. Nhận định nào sau đây là chính xác và đầy đủ nhất?

- a. Quan hệ pháp luật hành chính là một dạng quan hệ pháp luật.
- b. Quan hệ pháp luật hành chính là một dạng của quan hệ pháp luật, phát sinh trong lĩnh vực Quản lý hành chính Nhà nước, được điều chỉnh bởi quy phạm pháp luật hành chính.
- c. Quan hệ pháp luật hành chính là một dạng quan hệ xã hội.
- d. Quan hệ pháp luật hành chính là giữa Nhà nước và công dân.

20. Chủ thể quan hệ pháp luật hành chính:

- a. Là các bên có năng lực chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật hành chính, mang quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo quy định của pháp luật hành chính.
- b. Là các cơ quan hành chính Nhà nước.
- c. Là các cơ quan Nhà nước, các tổ chức và công dân.
- d. Là những người có thẩm quyền ban hành quyết định hành chính.

21. Đâu là khách thể của quan hệ pháp luật hành chính?

- a. Lợi ích của công dân tham gia quan hệ pháp luật hành chính.
- b. Các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.
- c. Lợi ích của Nhà nước.
- d. Trật tự quản lý hành chính Nhà nước.

22. Dấu hiệu nào sau đây không phải là dấu hiệu của vi phạm hành chính?

- a. Hành vi đó trái pháp luật, xâm phạm các quy tắc quản lý hành chính Nhà nước
 - b. Đối với tổ chức vi phạm hành chính thì yếu tố lỗi phải được xác định ở từng con người cụ thể của tổ chức
 - c. Hành vi đó được pháp luật quy định phải bị xử lý hành chính
 - d. Hành vi đó trái pháp luật và bị pháp luật hình sự quy định là tội phạm.
23. Lĩnh vực nào là giới hạn của quan hệ pháp luật hành chính?
- a. Lĩnh vực Nhà nước
 - b. Lĩnh vực chính trị
 - c. Lĩnh vực kinh tế
 - d. Lĩnh vực Quản lý hành chính Nhà nước
24. Căn cứ vào tính chất pháp lý của quyết định hành chính, người ta phân loại quyết định hành chính thành:
- a. Quyết định chủ đạo, quyết định quy phạm, quyết định cá biệt
 - b. Quyết định kỷ luật, quyết định điều động, quyết định chủ đạo
 - c. Quyết định quy phạm, quyết định kỷ luật, quyết định cá biệt
 - d. Quyết định chung, quyết định cá biệt, quyết định đặc biệt
25. Quyết định hành chính được ban hành nhằm mục đích chung nhất sau đây:
- a. Giải quyết những nhiệm vụ quản lý hành chính Nhà nước, hướng đến mục tiêu của cơ quan hành chính Nhà nước và được đặt trong tổng thể mục tiêu quốc gia
 - b. Thể hiện quyền lực của người lãnh đạo địa phương
 - c. Giải quyết vấn đề đối nội của Nhà nước
 - d. Giải quyết vấn đề phát triển kinh tế của các doanh nghiệp
26. Đâu không phải là dấu hiệu đặc trưng của quyết định hành chính?
- a. Tính pháp lý
 - b. Tính dưới luật
 - c. Tính ý chí và quyền lực đơn phương của Nhà nước
 - d. Tính thống nhất với tập quán
27. Đâu không phải là một loại quan hệ pháp luật hành chính?
- a. Quan hệ pháp luật hành chính dọc
 - b. Quan hệ pháp luật hành chính ngang
 - c. Quan hệ pháp luật hành chính về quản lý kinh tế - văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng

d. Quan hệ pháp luật hành chính không lệ thuộc.

28. *Đâu không phải là nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính?*

a. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp chứng minh mình không vi phạm hành chính

b. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 03 lần mức phạt tiền đối với cá nhân

c. Mọi vi phạm hành chính phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh

d. Mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật

29. *Đâu là một trong những nguyên tắc của xử phạt vi phạm hành chính?*

a. Việc xử phạt vi phạm hành chính được tiến hành nhanh chóng, công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, bảo đảm công bằng, đúng quy định của pháp luật

b. Có thể xử phạt vi phạm hành chính khi có hành vi vi phạm hành chính không do pháp luật quy định

c. Việc xử phạt vi phạm hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, đối tượng vi phạm mà không cần tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng

d. Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì chỉ xử phạt về hành vi vi phạm hành chính của một người có tính đại diện

30. *Biện pháp xử lý hành chính là biện pháp được áp dụng đối với cá nhân vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội mà không phải là tội phạm, bao gồm những biện pháp nào sau đây?*

a. Giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

b. Đưa vào trường giáo dưỡng;

c. Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

d. Tất cả những biện pháp trên

31. *Đối với người chưa thành niên vi phạm hành chính, có thể được áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính nào sau đây?*

a. Biện pháp nhắc nhở và biện pháp quản lý tại gia đình

b. Biện pháp phạt tiền

c. Biện pháp buộc nghỉ học một thời gian nhất định

d. Biện pháp buộc cha mẹ nộp tiền phạt thay thế.

32. Công chức là công dân Việt Nam, được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh tương ứng với vị trí việc làm:

- a. trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện;
- b. trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội Nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng;
- c. trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an Nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp, công nhân công an, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách Nhà nước

d. Cả 3 đáp án đều đúng

33. Viên chức là:

- a. Công dân Việt Nam được tuyển dụng theo vị trí việc làm, làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ hợp đồng làm việc, hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật
- b. Công dân Việt Nam được tuyển dụng theo vị trí việc làm cho một cơ quan.
- c. Công dân Việt Nam được tuyển dụng theo vị trí việc làm cho một doanh nghiệp
- d. Cả a, b, c

34. Vụ việc nào sau đây thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án Nhân dân cấp huyện?

- a. Khiếu kiện danh sách cử tri của cơ quan lập danh sách cử tri trên phạm vi địa giới hành chính các huyện trong tỉnh.
- b. Khiếu kiện danh sách cử tri của cơ quan lập danh sách cử tri trên phạm vi địa giới hành chính các huyện trong cả nước.
- c. Khiếu kiện danh sách cử tri của cơ quan lập danh sách cử tri trên phạm vi địa giới hành chính một số huyện theo phân công.
- d. Khiếu kiện danh sách cử tri của cơ quan lập danh sách cử tri trên cùng phạm vi địa giới hành chính với Tòa án.

35. Người tiến hành tố tụng hành chính:

- a. Là người có những nhiệm vụ, quyền hạn nhất định trong giải quyết vụ án hành chính theo quy định của pháp luật.
- b. Chỉ gồm những người chủ tọa phiên tòa hành chính.

- c. Chỉ gồm những người thuộc Tòa án Nhân dân tham gia trong phiên tòa hành chính.
 - d. Chỉ gồm những người thuộc Viện kiểm sát Nhân dân tham gia trong phiên tòa hành chính.
36. *Tòa án Nhân dân cấp nào xét xử vụ khiếu kiện quyết định kỷ luật buộc thôi việc công chức giữ chức vụ từ Tổng Cục trưởng và tương đương trở xuống?*
- a. Tòa án Nhân dân tối cao.
 - b. Tòa án Nhân dân cấp tỉnh.
 - c. **Tòa án Nhân dân cấp huyện.**
 - d. Không thuộc trách nhiệm của Tòa án.
37. *Thế nào là tham nhũng theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018?*
- a. Tham nhũng là hành vi của cán bộ, công chức Nhà nước đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi.
 - b. Tham nhũng là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi.
 - c. **Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi.**
 - d. Tham nhũng là hành vi cửa quyền, hách dịch, đòi hỏi, gây khó khăn, phiền hà của người có chức vụ, quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ.
38. *Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, công dân có quyền gì trong công tác phòng, chống tham nhũng?*
- a. Công dân chỉ có quyền phát hiện nhà báo tin về hành vi tham nhũng.
 - b. Công dân chỉ có quyền giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.
 - c. Công dân chỉ có quyền phát hiện, kiến nghị với cơ quan Nhà nước hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng và giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.
 - d. Công dân có quyền phát hiện, phản ánh, tố cáo, tố giác, báo tin về hành vi tham nhũng và được bảo vệ, khen thưởng theo quy định của pháp luật; có quyền kiến nghị với cơ quan Nhà nước hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng và giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

39. Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác là bao nhiêu năm?
- Từ đủ 02 năm đến 05 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.
 - Từ đủ 03 năm đến 06 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.
 - Từ đủ 02 năm đến 04 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.
 - Từ đủ 04 năm đến 05 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.
40. Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, có bao nhiêu hình thức công khai về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị?
- 5 hình thức.
 - 6 hình thức.
 - 7 hình thức.
 - 8 hình thức.
41. Theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, việc tặng quà của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn được quy định như thế nào?
- Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn không được sử dụng tài chính công, tài sản công làm quà tặng, trừ trường hợp tặng quà vì mục đích từ thiện, đối ngoại và trong trường hợp cần thiết khác theo quy định của pháp luật.
 - Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn tuyệt đối không được sử dụng tài chính công, tài sản công làm quà tặng,
 - Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn được sử dụng tài chính công, tài sản công làm quà tặng.
 - Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn chỉ được sử dụng tài chính công, tài sản công làm quà tặng, vì mục đích từ thiện.
42. Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, tài sản, thu nhập nào dưới đây không thuộc tài sản, thu nhập phải kê khai?
- Quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất, nhà ở, công trình xây dựng.
 - Kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và động sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên.
 - Tài sản, tài khoản ở nước ngoài.
 - Giấy tờ có giá có giá trị đến dưới 50.000.000 đồng.

43. Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, nội dung xác minh tài sản, thu nhập trong công tác kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị như thế nào?

- a. Tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai; tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm.
- b. Tính rõ ràng của bản kê khai và trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm.
- c. Tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai.
- d. Tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm.

44. Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, người kê khai tài sản, thu nhập phải có nghĩa vụ gì?

- a. Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của mình.
- b. Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của mình, của vợ hoặc chồng.
- c. Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của mình, của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên theo quy định của Luật này.
- d. Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của mình, con chưa thành niên.

45. Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, công tác kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị bao gồm những hình thức nào?

- a. Kiểm tra thường xuyên được tiến hành theo chương trình, kế hoạch và tập trung vào lĩnh vực, hoạt động dễ phát sinh tham nhũng
- b. Chỉ kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng.
- c. Kiểm tra thường xuyên được tiến hành theo chương trình, kế hoạch và tập trung vào lĩnh vực, hoạt động dễ phát sinh tham nhũng; kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng.
- d. Kiểm tra thường xuyên và kiểm tra đột xuất.

CÂU HỎI ÔN TẬP DẠNG TRẮC NGHIỆM

1. *Quyền nào sau đây KHÔNG phải là quyền nhân thân?*
 - a. Quyền xác định lại giới tính.
 - b. Quyền hiến, nhận mô, bộ phận cơ thể người.
 - c. Quyền hưởng dụng.
 - d. Quyền được khai sinh.
2. *Nhận định nào sau đây ĐÚNG?*
 - a. Luật dân sự điều chỉnh mọi quan hệ tài sản.
 - b. Luật dân sự điều chỉnh mọi quan hệ nhân thân.
 - c. Luật dân sự điều chỉ điều chỉnh những quan hệ tài sản.
 - d. Luật dân sự điều chỉnh quan hệ tài sản được hình thành trên cơ sở bình đẳng giữa các chủ thể.
3. *Công ty A đã có sử dụng hình ảnh của cô người mẫu X để quảng cáo sản phẩm của Công ty mà không có sự đồng ý của cô X. Hành vi này đã vi phạm pháp luật trong lĩnh vực nào?*
 - a. Hình sự.
 - b. Lao động.
 - c. Dân sự.
 - d. Hành chính.
4. *Hàng thừa kế thứ nhất của A gồm:*
 - a. Ông bà nội, ông bà ngoại, anh, chị, em ruột của A.
 - b. Vợ, chồng, cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của A.
 - c. Bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của A.
 - d. Cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, vợ chồng, anh chị em ruột của A.
5. *Hợp đồng nào sau đây bắt buộc phải lập bằng văn bản và công chứng hoặc chứng thực và phải được đăng ký?*
 - a. Hợp đồng thuê xe du lịch.
 - b. Hợp đồng vay tài sản.
 - c. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
 - d. Hợp đồng mua bán quần áo.
6. *A mượn một xe máy thuộc sở hữu của B. Hỏi A có những quyền gì đối với tài sản đó?*

Quyền chiếm hữu, quyền sử dụng.
Quyền sử dụng, quyền định đoạt.

Quyền định đoạt, quyền chiếm dụng.

d. Quyền chiếm dụng, quyền sử dụng.

7. Trường hợp nào sau đây không phải là bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng?

a. Bồi thường thiệt do làm ô nhiễm môi trường.

b. Bồi thường thiệt do vi phạm quyền lợi của người tiêu dùng.

c. Bồi thường thiệt do người thi hành công vụ gây ra.

d. Bồi thường thiệt do vi phạm nghĩa vụ giao hàng.

8. Nhận định nào sau đây là ĐÚNG?

a. Người từ đủ mười tám tuổi trở lên gây thiệt hại thì phải tự bồi thường.

b. Người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi gây thiệt hại thì cha, mẹ phải bồi thường.

c. Người chưa đủ mười lăm tuổi gây thiệt hại thì cha, mẹ luôn phải bồi thường.

d. Người mất năng lực hành vi dân sự gây thiệt hại thì người giám hộ phải bồi thường.

9. Chủ thể nào sau đây KHÔNG phải là chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự?

a. Cá nhân.

b. Pháp nhân.

c. Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

d. Tổ hợp tác.

10. Tài sản nào sau đây KHÔNG phải là giấy tờ có giá?

a. Cổ phiếu.

b. Séc.

c. Quyền sử dụng đất.

d. Công trái.

11. Quan hệ nào sau đây KHÔNG phải đối tượng điều chỉnh của Luật dân sự?

a. Quan hệ giữa ông A với Nhà nước về việc đóng thuế thu nhập cá nhân.

b. Quan hệ giữa anh B và chị C về hợp đồng tặng cho tài sản.

c. Anh M được hưởng di sản thừa kế của cha mình.

b. Bà Y phải bồi thường thiệt hại cho bà X do có lỗi khi tham gia giao thông làm hư hỏng xe của bà X.

12. Nơi nào sau đây không phải là địa điểm mở thừa kế?

Nơi cư trú cuối cùng của người để lại di sản.

Nơi có toàn bộ di sản.

Nơi có phần lớn di sản.

d. Nơi cư trú của những người ở hàng thừa kế thứ nhất.

13. Phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự Việt Nam là:

a. Phương pháp bình đẳng, tự quyết định, tự định đoạt.

b. Phương pháp mệnh lệnh hành chính.

c. Phương pháp quyền uy phục tùng.

d. Phương pháp cho phép.

14. Nguyên tắc nào sau đây không phải là nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự Việt Nam?

a. Nguyên tắc thiện chí, trung thực.

b. Nguyên tắc suy đoán vô tội.

c. Nguyên tắc tự chịu trách nhiệm.

d. Nguyên tắc bình đẳng.

15. Pháp nhân nào sau đây là pháp nhân phi thương mại?

a. Doanh nghiệp tư nhân.

b. Doanh nghiệp xã hội.

c. Công ty hợp danh.

d. Công ty cổ phần.

16. Quyền nào sau đây KHÔNG phải là “quyền khác” đối với tài sản?

a. Quyền đối với bất động sản liền kề.

b. Quyền hưởng dụng.

c. Quyền bề mặt.

d. Quyền sử dụng.

17. M bán cho N chiếc xe máy thuộc sở hữu của mình. Hỏi M đang thực hiện quyền gì đối với tài sản mà mình sở hữu? a. Quyền chiếm hữu.

b. Quyền sử dụng.

c. Quyền định đoạt.

d. Quyền chiếm dụng.

18. Người nào sau đây KHÔNG phải là người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc?

An (10 tuổi) là con ngoài giá thú của người để lại di sản.

Phượng (15 tuổi) là con nuôi hợp pháp của người để lại di sản.

Bà Huỳnh (55 tuổi) là vợ đã ly thân với người để lại di sản 10 năm.

d. Sáng (19 tuổi) là con trai ruột của người để lại di sản.

19. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản đối với động sản kể từ thời điểm mở thừa kế là bao nhiêu năm? a. 30 năm.

b. 20 năm.

c. 10 năm.

d. 03 năm.

20. X chết, di sản là 600 triệu đồng, không để lại di chúc. Những người liên quan gồm: Cha mẹ ruột, vợ, anh ruột, chị ruột và con (20 tuổi), con (14 tuổi). Phần di sản thừa kế của mỗi người được hưởng là: a. 120 triệu đồng.

b. 100 triệu đồng.

c. 85 triệu đồng.

d. 50 triệu đồng.

21. Hợp đồng dân sự có thể được lập bằng:

a. lời nói và văn bản.

b. lời nói, văn bản và hành vi cụ thể.

c. Chỉ văn bản.

d. văn bản và hành vi cụ thể.

CÂU HỎI ÔN TẬP

I. Trắc nghiệm khách quan

1. Luật Hôn nhân và gia đình:

a. Là một ngành luật điều chỉnh về tội phạm và hình phạt.

b. Là một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

c. Là một ngành luật chỉ điều chỉnh việc kết hôn và ly hôn.

d. Là một bộ phận thuộc ngành luật hành chính.

2. Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên tắc cơ bản Luật Hôn nhân và gia đình?

a. Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ nhiều chồng, vợ chồng bình đẳng.

b. Phân biệt đối xử trong quan hệ hôn nhân.

- c. Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, nhiều vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.
 - d. Không phân biệt đối xử trong quan hệ hôn nhân.
3. Luật Hôn nhân và gia đình không được xây dựng dựa trên nguyên tắc nào sau đây?
- a. Các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau.
 - b. Phân biệt đối xử giữa các con (con gái với con trai, con đẻ với con nuôi, con trong gia đình với con ngoài gia đình).
 - c. Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.
 - d. Không phân biệt đối xử trong quan hệ hôn nhân.
4. Hôn nhân là:
- a. Quan hệ giữa vợ và chồng sau khi đám cưới.
 - b. Quan hệ giữa hai người sau khi kết hôn.
 - c. Quan hệ giữa hai người sau khi đám cưới.
 - d. Quan hệ giữa vợ và chồng sau khi kết hôn.
5. Nhận định nào sau đây là ĐÚNG?
- a. Tảo hôn là việc lấy vợ, lấy chồng khi một bên hoặc cả hai bên đã quá tuổi kết hôn.
 - b. Ủy ban Nhân dân là cơ quan có thẩm quyền giải quyết việc ly hôn.
 - c. Tòa án Nhân dân là cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn.
 - d. Vợ có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp đang nuôi con 8 tháng tuổi.
6. Trường hợp công dân Việt Nam kết hôn với nhau không có yếu tố nước ngoài thì cơ quan nào có thẩm quyền đăng ký kết hôn là:
- a. Ủy ban Nhân dân cấp xã nơi cư trú của một trong hai bên nam, nữ.
 - b. Ủy ban Nhân dân cấp huyện nơi cư trú của một trong hai bên nam, nữ.
 - c. Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh nơi cư trú của một trong hai bên nam, nữ.
 - d. Tòa án Nhân dân cấp huyện nơi cư trú của một trong hai bên nam, nữ.
7. Ly hôn là:
- a. Việc chấm dứt quan hệ vợ chồng khi vợ hoặc chồng chết.
 - b. Việc chấm dứt quan hệ vợ chồng theo quyết định có hiệu lực pháp luật của Ủy ban Nhân dân cấp xã.
 - c. Việc vợ chồng ly thân, không sống chung từ 10 năm trở lên.

d. Việc chấm dứt quan hệ vợ chồng theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

8. Trường hợp kết hôn nào sau đây không bị cấm?

- a. Người chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người có chồng, có vợ nhưng đã ly hôn.
- b. Giữa người đã từng là cha chồng với con dâu.
- c. Giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi.
- d. Giữa những người có họ trong phạm vi ba đời.

9. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì:

- a. Không phải đăng ký kết hôn.
- b. Phải đăng ký kết hôn.
- c. Không phải tổ chức đám cưới.
- d. Phải tổ chức đám cưới.

10. Anh A và chị B kết hôn với nhau không phải tuân theo điều kiện nào sau đây?

- a. Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định.
- b. Được sự đồng ý của cha mẹ hai bên.
- c. Không bị mất năng lực hành vi dân sự.
- d. Nữ từ đủ 18 tuổi trở lên, nam từ đủ 20 tuổi trở lên.

11. K và H đã kết hôn hợp pháp. Sau khi anh H bị Tòa án tuyên bố mất tích, chị K yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh H. Trong trường hợp này:

- a. Tòa án giải quyết cho ly hôn.
- b. Ủy ban Nhân dân giải quyết cho ly hôn.
- c. Viện Kiểm sát giải quyết cho ly hôn.
- d. Quan hệ hôn nhân đương nhiên chấm dứt.

12. Nam và nữ không đủ điều kiện kết hôn nếu:

- a. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
- b. Bị mất năng lực hành vi dân sự.
- c. Bị thiếu năng lực hành vi dân sự.
- d. Không có tài sản.

13. Việc kết hôn không bị cấm trong trường hợp nào sau đây?

- a. Lợi dụng kết hôn để xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú, nhập quốc tịch Việt Nam, quốc tịch nước ngoài.

- b. Lấy vợ, lấy chồng khi cả hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật.
- c. Đe dọa, uy hiếp tinh thần, hành hạ, ngược đãi, yêu sách của cải hoặc hành vi khác để buộc người khác phải kết hôn trái với ý muốn của họ.
- d. Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ.
14. Chị X (công dân Việt Nam; đăng ký thường trú tại xã A, huyện B, tỉnh C) muốn kết hôn với anh Y (công dân Việt Nam; tạm trú tại xã E, huyện B, tỉnh C; đăng ký thường trú tại xã H, huyện G, tỉnh V). Chị X và anh Y có thể đăng ký kết hôn tại:
- a. Sở Tư pháp tỉnh C, Sở Tư pháp tỉnh V.
- b. Ủy ban Nhân dân xã A, Ủy ban Nhân dân xã E, hoặc Ủy ban Nhân dân xã H.
- c. Ủy ban Nhân dân huyện B, hoặc Ủy ban Nhân dân huyện G.
- d. Ủy ban Nhân dân tỉnh C, Ủy ban Nhân dân tỉnh V.
15. Khi vợ chồng ly hôn và không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và phải xem xét nguyện vọng của con nếu:
- a. Con từ đủ 07 tuổi trở lên.
- b. Con từ đủ 08 tuổi trở lên.
- c. Con từ đủ 09 tuổi trở lên.
- d. Con từ đủ 10 tuổi trở lên.
16. Việc vợ, chồng thỏa thuận với nhau về quyền lợi cũng như trách nhiệm của vợ, chồng đối với tài sản phát sinh giữa vợ và chồng là:
- a. Chế độ tài sản theo luật định.
- b. Chế độ tài sản theo thỏa thuận.
- c. Chế độ tài sản theo Tòa án quyết định.
- d. Chế độ tài sản bắt buộc.
17. A và B đủ điều kiện kết hôn. Nếu A và B lựa chọn chế độ tài sản theo thỏa thuận thì thỏa thuận này:
- a. Phải được lập trước khi kết hôn.
- b. Có thể xác lập trong thời kỳ hôn nhân.
- c. Phải được lập trước khi ly hôn.

- d. Có thể xác lập bất kỳ thời điểm nào.
18. Năm 2019, anh C được bố mẹ tặng căn nhà X trị giá 5 tỷ tại quận G, tỉnh K. Ngày 20/7/2020, anh C và chị D kết hôn hợp pháp với nhau và lựa chọn chế độ tài sản theo luật định (vợ chồng không chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và không có thỏa thuận khác). Sau khi kết hôn, căn nhà X được xác định là:
- a. Tài sản riêng của anh C.
 - b. Tài sản của bố mẹ anh C.
 - c. Tài sản riêng của chị D.
 - d. Tài sản chung của anh C và chị D.
19. Hôn nhân không chấm dứt trong trường hợp nào sau đây?
- a. Ly hôn.
 - b. Vợ, chồng chết.
 - c. Vợ, chồng bị tòa án tuyên bố là đã chết.
 - e. Vợ, chồng bị tòa án tuyên bố mất tích.
20. Việc lợi dụng kết hôn để xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú, nhập quốc tịch Việt Nam, quốc tịch nước ngoài; hưởng chế độ ưu đãi của Nhà nước hoặc để đạt được mục đích khác mà không nhằm mục đích xây dựng gia đình được xác định là:
- a. Cưỡng ép kết hôn
 - b. Kết hôn giả tạo
 - c. Lừa dối kết hôn
 - d. Tảo hôn

CHƯƠNG 7

II. Trắc nghiệm khách quan Chương 7

1. Mọi doanh nghiệp phải có:
- a. Tài sản.
 - b. Chi nhánh.
 - c. Lợi nhuận.
 - d. Hội đồng quản trị.
2. Căn cứ theo chế độ trách nhiệm về tài sản thì doanh nghiệp được phân loại thành các loại doanh nghiệp:

- a. Trách nhiệm hữu hạn và trách nhiệm vô hạn.
 - b. Trách nhiệm vô hạn và trách nhiệm giới hạn 1 phần.
 - c. Trách nhiệm hữu hạn và trách nhiệm có giới hạn.
 - d. Trách nhiệm toàn bộ và trách nhiệm 1 phần.
3. *Chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân không thể là:*
- a. Sinh viên.
 - b. Cá nhân không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp.
 - c. Công ty trách nhiệm hữu hạn.
 - d. Luật sư.
4. *Doanh nghiệp tư nhân không có:*
- a. Vốn đầu tư kinh doanh.
 - b. Tên doanh nghiệp.
 - c. Điều lệ doanh nghiệp.
 - d. Giấy đăng ký doanh nghiệp.
5. *Các khoản nợ phát sinh trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân, chủ doanh nghiệp phải:*
- a. Chịu trách nhiệm vô hạn.
 - b. Chịu trách nhiệm hữu hạn.
 - c. Chịu trách nhiệm một phần.
 - d. Không phải chịu trách nhiệm.
6. *Doanh nghiệp tư nhân:*
- a. Không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào để huy động vốn.
 - b. Có tư cách pháp nhân.
 - c. Phải đăng ký doanh nghiệp tại phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện.
 - d. Có tài sản độc lập với tài sản của chủ doanh nghiệp.
7. *Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tư nhân là:*
- a. Giám đốc doanh nghiệp.
 - b. Chủ doanh nghiệp.
 - c. Chủ tịch doanh nghiệp.
 - d. Tổng giám đốc doanh nghiệp.
8. *Chủ doanh nghiệp tư nhân có các quyền nào sau đây?*
- a. Toàn quyền quyết định về mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- b. Nhân danh doanh nghiệp tư nhân góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn.
 - c. Bán một phần doanh nghiệp tư nhân của mình cho người khác.
 - d. Tự do giảm vốn đầu tư của mình trong doanh nghiệp tư nhân.
9. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân:
- a. Có thể tăng vốn và giảm vốn. Nhưng chỉ được tăng hoặc giảm vốn sau khi đã đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh.
 - b. Chỉ được tăng, không được giảm.
 - c. Chỉ được giảm khi gặp sự kiện bất khả kháng.
 - d. Có thể tăng vốn và giảm vốn. Trong trường hợp giảm vốn xuống dưới mức đầu tư đã đăng ký thì chỉ được giảm vốn sau khi đã đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh.
10. Cơ quan có quyền quyết định cao nhất của công ty hợp danh là:
- a. Hội đồng thành viên của công ty.
 - b. Chủ tịch Hội đồng thành viên.
- II. c. Giám đốc công ty.**
- d. Chủ tịch Hội đồng quản trị.
11. Thành viên hợp danh của công ty hợp danh có quyền nào sau đây?
- a. Nhân danh công ty tiến hành hoạt động kinh doanh các ngành nghề kinh doanh của công ty.
 - b. Đề thừa kế tư cách thành viên hợp danh của mình cho người khác.
 - c. Sử dụng tài sản của công ty để kinh doanh ngành, nghề kinh doanh của công ty nhân danh người khác.
 - d. Tự do chuyển nhượng vốn góp của mình trong công ty cho người khác.
12. Số lượng thành viên hợp danh tối thiểu phải có trong công ty hợp danh là:
- a. 1
 - b. 2
 - c. 3
 - d. 4
13. Theo Luật Doanh nghiệp năm 2014, Công ty TNHH hai thành viên trở lên có tối đa bao nhiêu thành viên?
- a. 10

III. b. 30

IV. c. 50

- d. Không giới hạn số lượng thành viên
14. Khẳng định nào sau đây là ĐÚNG khi nói về Công ty TNHH hai thành viên trở lên?
- a. Là doanh nghiệp không được quyền phát hành cổ phần.
 - b. Là doanh nghiệp có thành viên chịu trách nhiệm vô hạn.
 - c. Là doanh nghiệp không có tư cách pháp nhân.
 - d. Là doanh nghiệp có số lượng thành viên không giới hạn.
15. Khẳng định nào sau đây là ĐÚNG?
- a. Vốn điều lệ của công ty TNHH hai thành viên trở lên khi đăng ký doanh nghiệp là tổng giá trị phần vốn góp các thành viên cam kết góp vào công ty.
 - b. Vốn điều lệ của công ty TNHH hai thành viên trở lên khi đăng ký doanh nghiệp là tổng giá trị phần vốn góp các thành viên thực góp vào công ty.
 - c. Vốn điều lệ của công ty TNHH hai thành viên trở lên khi đăng ký doanh nghiệp là giá trị một phần vốn góp các thành viên cam kết góp vào công ty.
 - d. Tất cả câu trên
16. Trong thời hạn bao nhiêu ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên phải góp vốn phần vốn góp cho công ty đủ và đúng loại tài sản như đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp?
- a. 60 ngày.
 - b. 70 ngày.
 - c. 80 ngày.
 - d. 90 ngày.
17. Bộ máy quản lý của Công ty TNHH hai thành viên trở lên bắt buộc phải có chức danh nào sau đây?
- a. Kiểm soát viên.
 - b. Trưởng ban kiểm soát.
 - c. Chủ tịch công ty.
 - d. Chủ tịch Hội đồng thành viên.
18. Công ty trách nhiệm hữu hạn có từ 11 thành viên trở lên phải thành lập:
- a. Hội đồng quản trị.
 - b. Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- c. Ban kiểm soát.
 - d. Chủ tịch công ty.
19. Trong tổ chức của công ty TNHH hai thành viên trở lên phải có chức danh quản lý sau đây:
- a. Giám đốc và Tổng giám đốc.
 - b. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.
 - c. Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty.
 - d. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.
20. Thành viên trong công ty TNHH hai thành viên trở lên là:
- a. Chỉ là các cá nhân.
 - b. Chỉ là các tổ chức.
 - c. Có thể là tổ chức, cá nhân.
 - d. Mọi cá nhân và tổ chức.
21. Công ty cổ phần phải có số lượng cổ đông ít nhất là:
- a. 3
 - b. 7
 - c. 2
 - d. Pháp luật không quy định.
22. Số lượng cổ đông tối đa trong công ty cổ phần là:
- a. Không giới hạn.
 - b. 50
 - c. 12
 - V.d. 20
23. Cổ đông trong công ty cổ phần chịu trách nhiệm như thế nào?
- a. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp.
 - b. Cổ đông chịu trách nhiệm toàn bộ về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp.
 - c. Cổ đông chịu trách nhiệm một phần về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp.
 - d. Cổ đông không chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp.
24. Vốn điều lệ công ty cổ phần là:

- a. Tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại
 - b. Tổng giá trị mệnh giá cổ phần chưa bán các loại
 - c. Tổng giá trị thị giá cổ phần đã bán các loại
 - d. Tổng giá trị mệnh giá cổ phiếu đã bán các loại
25. *Cổ phần đã bán là:*
- a. Số cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đủ cho công ty
 - b. Số cổ phần được quyền chào bán chưa được các cổ đông thanh toán đủ cho công ty
 - c. Số cổ phần chưa được quyền chào bán
 - d. Số cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán 1 phần cho công ty
26. *Số cổ phần được quyền chào bán của công ty cổ phần tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp là:*
- a. Tổng số cổ phần các loại mà công ty đã bán để huy động vốn, bao gồm cổ phần đã được đăng ký mua và cổ phần chưa được đăng ký mua.
 - b. Tổng số cổ phần các loại mà công ty sẽ bán để huy động vốn, bao gồm cổ phần đã được đăng ký mua và cổ phần chưa được đăng ký mua.
 - c. Tổng số cổ phần các loại mà công ty sẽ bán để huy động vốn, chỉ bao gồm cổ phần đã được đăng ký mua.
 - d. Tổng số cổ phần các loại mà công ty sẽ bán để huy động vốn, chỉ bao gồm cổ phần chưa được đăng ký mua
27. *Tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp, cổ phần chưa bán là:*
- a. Tổng số cổ phần mà đã được các cổ đông đăng ký mua.
 - b. Tổng số cổ phần mà được các cổ đông mua
 - c. Tổng số cổ phần mà chưa được các cổ đông đăng ký mua
 - d. Tổng số cổ phần mà được các cổ đông đăng ký
28. *Cổ phần chưa bán là:*
- a. Cổ phần chưa được quyền chào bán và chưa được thanh toán.
 - b. Cổ phần được quyền chào bán và đã được thanh toán.
 - c. Cổ phần chưa được quyền chào bán và đã được thanh toán.
 - d. Cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán.

29. Có mấy mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của công ty cổ phần ?

VI. **a. 2**

- b. 3
- c. 4
- d. 5

30. Cơ quan có thẩm quyền cao nhất trong công ty cổ phần là:

- a. Đại hội đồng cổ đông**
- b. Hội đồng quản trị
- c. Ban Kiểm soát.
- d. Giám đốc/Tổng Giám đốc

31. Đại hội đồng cổ đông của công ty cổ phần họp thường kỳ ít nhất:

- a. 1 năm 1 lần.**
- b. 6 tháng 1 lần.
- c. 2 năm 1 lần.
- d. Tất cả đều sai.

32. Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục trong thời hạn bao lâu, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông:

- a. Hơn 1 năm
- b. Hơn 2 năm**
- c. Hơn 3 năm
- d. Hơn 4 năm

33. Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có:

- a. Ban kiểm soát**
- b. Hội đồng quản trị
- c. Hội đồng thành viên
- d. Chủ tịch Hội đồng quản trị

34. Trường hợp công ty cổ phần có dưới bao nhiêu cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát?

- a. Dưới 10 cổ đông

- b. Dưới 3 cổ đông
 - c. Dưới 11 cổ đông
 - d. Dưới 50 cổ đông
35. Trong công ty cổ phần có thể có bao nhiêu người đại diện theo pháp luật của công ty?
- a. 1 người đại diện
 - b. hơn 1 người đại diện
 - c. Không có người đại diện
 - d. Tất cả câu trên sai
36. Chủ sở hữu của công ty TNHH một thành viên có thể là:
- a. Cá nhân
 - b. Tổ chức
 - c. Một tổ chức hoặc 1 cá nhân
 - d. Một tổ chức và 1 cá nhân
37. Khẳng định nào sau đây ĐÚNG khi nói về Công ty TNHH một thành viên?
- a. Công ty TNHH một thành viên không có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
 - b. Công ty TNHH một thành viên có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
 - c. Công ty TNHH một thành viên do 1 cá nhân sở hữu không có tư cách pháp nhân.
 - d. Công ty TNHH một thành viên do 1 tổ chức sở hữu không có tư cách pháp nhân
38. Khẳng định nào sau đây là ĐÚNG?
- a. Công ty TNHH một thành viên được quyền phát hành cổ phần.
 - b. Công ty TNHH một thành viên chỉ được quyền phát hành cổ phần khi cơ quan đăng ký doanh nghiệp cho phép.
 - c. Công ty TNHH một thành viên không được quyền phát hành cổ phần.
 - d. Công ty TNHH một thành viên được quyền phát hành cổ phần hạn chế hơn so với công ty Cổ phần
39. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu thì tổ chức và quản lý công ty là:
- a. Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc
 - b. Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

- c. Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Kiểm soát viên.
 - d. Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên
40. “*Thương nhân*” theo Luật Thương mại 2005 là:
- a. Tổ chức kinh tế, cá nhân thỏa mãn các điều kiện mà pháp luật qui định.
 - b. Chỉ là các doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp 2014.
 - c. Là cá nhân có đăng ký kinh doanh.
 - d. Chỉ có tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân
41. Theo Luật Thương mại 2005, khẳng định nào sau đây đúng?
- a. Thương nhân có quyền hoạt động thương mại trong các ngành nghề, tại các địa bàn, dưới các hình thức và theo các phương thức mà pháp luật không cấm.
 - b. Thương nhân có nghĩa vụ hoạt động thương mại trong các ngành nghề, tại các địa bàn, dưới các hình thức và theo các phương thức mà pháp luật không cấm.
 - c. Thương nhân có quyền hoạt động thương mại trong các ngành nghề, tại các địa bàn, dưới các hình thức và theo các phương thức mà pháp luật cho phép.
 - d. Thương nhân có quyền và nghĩa vụ hoạt động thương mại trong các ngành nghề, tại các địa bàn, dưới các hình thức và theo các phương thức mà pháp luật cho phép
42. Có mấy nguyên tắc cơ bản trong hoạt động thương mại theo Luật Thương mại 2005 ?
- a. 2
 - b. 4
 - c. 5
 - d. 6
43. Theo quy định của Luật Thương mại hiện hành, hợp đồng mua bán hàng hóa chỉ có thể giao kết bằng:
- a. Văn bản.
 - b. Lời nói.
 - c. Hành vi cụ thể.
 - d. Cả a, b, c đều sai.
44. Thương nhân nào KHÔNG có tư cách pháp nhân?

- a. Công ty cổ phần.
 - b. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
 - c. Doanh nghiệp tư nhân.
 - d. Công ty hợp danh.
45. *Thương nhân nào CÓ tư cách pháp nhân?*
- a. Hộ kinh doanh và Doanh nghiệp tư nhân.
 - b. Hộ kinh doanh.
 - c. **Doanh nghiệp tư nhân.**
 - d. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân là chủ sở hữu.
46. *Khẳng định nào sau đây là ĐÚNG?*
- a. **Mua bán hàng hoá quốc tế phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương**
 - b. Mua bán hàng hoá quốc tế phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng bằng văn bản và bằng hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương.
 - c. Mua bán hàng hoá quốc tế phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng bằng lời nói hoặc bằng hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương.
 - d. Mua bán hàng hoá quốc tế phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng bằng hành vi cụ thể hoặc bằng hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương
47. *Nhận định nào sau đây là ĐÚNG?*
- a. Thỏa thuận trọng tài có thể được xác lập dưới dạng hành vi cụ thể.
 - b. Thỏa thuận trọng tài có thể được xác lập dưới dạng lời nói.
 - c. **Thỏa thuận trọng tài phải được xác lập dưới dạng văn bản.**
 - d. Thỏa thuận trọng tài có thể được xác lập dưới dạng lời nói, văn bản và hành vi cụ thể
48. *Nhận định nào sau đây là ĐÚNG?*
- a. **Trọng tài thương mại chỉ có thẩm quyền giải quyết tranh chấp thương mại khi các bên có thỏa thuận trọng tài.**
 - b. Tòa án chỉ có thẩm quyền giải quyết tranh chấp khi các bên có thỏa thuận trọng tài.
 - c. Phán quyết của trọng tài nếu các bên không đồng ý có thể kháng cáo.
 - d. Phán quyết của tòa án có giá trị chung thẩm và các bên không được kháng cáo.
49. *Thủ tục tố tụng trọng tài bao gồm bao nhiêu bước?*
- a. 2

- b. 4
- c. 6
- d. 8

50. Hệ thống xét xử của tòa án theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành bao gồm mấy cấp xét xử?

- a. 1 cấp xét xử
- b. 2 cấp xét xử
- c. 3 cấp xét xử
- d. 4 cấp xét xử

51. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ:

- a. Ngày tuyên án
- b. 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
- c. Do hội đồng xét xử quy định
- d. khi niêm yết bản án công khai

52. Đối tượng điều chỉnh của Luật đất đai gồm:

- a. Nhóm quan hệ giữa các cơ quan Nhà nước.
- b. Nhóm quan hệ giữa CQNN với NSDD và các chủ thể khác của QHPL đất đai.
- c. Nhóm quan hệ giữa NSDD và các chủ thể khác của QHPL đất đai.
- d. Cả 3 đáp án trên.

53. Chủ thể của Luật đất đai gồm:

- a. Cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai.
- b. Người sử dụng đất.
- c. Chủ thể khác trong QHPL đất đai.
- d. Cả 3 chủ thể trên.

54. Chủ thể nào cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân SDĐ?

- a. UBND cấp huyện
- b. Chủ tịch UBND cấp huyện
- c. UBND cấp tỉnh
- d. Chủ tịch UBND cấp tỉnh

55. UBND cấp tỉnh cấp GCNQSDĐ cho đối tượng nào sau đây?

- a. Cơ sở tôn giáo.

- b. Hộ gia đình, cá nhân.
- c. Cộng đồng dân cư.
- d. Cả a, b, c.

56. Thời hạn giao đất, công nhận QSDĐ đối với hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp là:

- a. 30 năm.
- b. 50 năm.
- c. 70 năm.
- d. Vô thời hạn.

57. Tổ chức kinh tế được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không được:

- a. Chuyển nhượng QSDĐ.
- b. Cho thuê, cho thuê lại QSDĐ.
- c. Để thừa kế QSDĐ.
- d. Tặng cho QSDĐ.

58. Chọn nhận định đúng về tổ chức kinh tế được giao đất có thu tiền SDD, được cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê:

- a. Có quyền góp vốn bằng QSDĐ, tài sản gắn liền với đất với HGD.
- b. Không có quyền thế chấp QSDĐ, tài sản gắn liền với đất.
- c. Được góp vốn bằng QSDĐ với Người Việt Nam định cư ở nước ngoài.
- d. Các nhận định trên đều đúng.

59. Nhận định nào SAI khi nói về tổ chức kinh tế thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm?

- a. Được bán tài sản gắn liền với đất thuê.
- b. Được góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê.
- c. Không được để thừa kế bằng tài sản gắn liền với đất thuê.
- d. Không được cho thuê lại QSDĐ.

60. Chọn nhận định ĐÚNG về hộ gia đình, cá nhân thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê:

- a. Không được tặng cho QSDĐ.

- b. Được góp vốn QSDĐ với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
- c. Không được chuyển nhượng QSDĐ.
- d. Được thế chấp QSDĐ.

61. Chọn nhận định SAI trong các nhận định sau:

- a. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng sở hữu nhà ở tại Việt Nam không được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì ANQP, phát triển KT-XH.
- b. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất không phải đất thuê trả tiền hàng năm có thể được hưởng bồi thường về đất.
- c. Tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần và có GCNQSDĐ được bồi thường về đất.
- d. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhận chuyển nhượng QSDĐ trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và có GCNQSDĐ thì được bồi thường về đất.

62. UBND cấp huyện quyết định thu hồi đất trong trường hợp:

- a. Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.
- b. Thu hồi đất của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.
- c. Thu hồi đất đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
- d. Cả a và b.

63. UBND cấp tỉnh quyết định thu hồi đất trong trường hợp:

- a. Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.
- b. Thu hồi đất của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.
- c. Thu hồi đất đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
- d. Cả a và b.

64. Tranh chấp đất đai nào do Tòa án Nhân dân giải quyết?

- a. Tranh chấp mà đương sự có GCN hoặc giấy tờ hợp lệ.

- b. Tranh chấp mà đương sự tuy không có GCN hoặc giấy tờ hợp lệ nhưng đã lựa chọn giải quyết bằng cách khởi kiện tại Tòa án.
- c. Tranh chấp mà đương sự nộp đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp tại UBND.
- d. Cả a và b đều đúng.

65. Tranh chấp đất đai giữa HGD, cá nhân, cộng đồng dân cư với nhau mà các bên chọn giải quyết tại UBND thì do cơ quan nào sau đây giải quyết?

- a. UBND cấp xã.
- b. UBND cấp huyện.
- c. Chủ tịch UBND cấp xã.
- d. Chủ tịch UBND cấp huyện.

66. Tranh chấp đất đai khi chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có một bên là người Việt Nam định cư ở nước ngoài chọn UBND thì cơ quan nào sau đây có thẩm quyền giải quyết?

- a. UBND cấp huyện.
- b. UBND cấp tỉnh.
- c. Chủ tịch UBND cấp tỉnh.
- d. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

67. Trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết tranh chấp của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, các bên có quyền khiếu nại đến:

- a. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- b. Chủ tịch Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh.
- c. Tòa án Nhân dân cấp tỉnh.
- d. Cả a, b, c đều sai.

68. Trường hợp nào sau đây Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất:

- a. Tổ chức kinh tế được giao đất thực hiện dự án đầu tư hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng.
- b. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được giao đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê;
- c. Tổ chức kinh tế được giao đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê;

d. Tổ chức sử dụng đất để xây dựng nhà ở phục vụ tái định cư theo dự án của Nhà nước

69. Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất trong trường hợp nào sau đây?

- a. Giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức
- b. Giao đất đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
- c. Giao đất đối với cộng đồng dân cư

d. Cả a và b

70. Ủy ban Nhân dân cấp huyện quyết định giao đất, cho thuê đất trong trường hợp nào sau đây:

- a. Giao đất, cho thuê đất đối với cộng đồng dân cư
- b. Cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn

c. Giao đất, cho thuê đất đối với hộ gia đình, cá nhân

d. Cả a và c

71. Đâu không phải nghĩa vụ tài chính của NSDD?

- a. Tiền thuê đất.
- b. Tiền sử dụng đất.
- c. Thuế sử dụng đất.
- d. Tiền được Nhà nước bồi thường khi bị thu hồi đất.

CHƯƠNG 8

I. Trắc nghiệm khách quan

1. Chủ thể của Luật quốc tế không bao gồm:

- a. Các quốc gia có chủ quyền.
- b. Các dân tộc đang đấu tranh giành quyền tự quyết.
- c. Các tổ chức quốc tế liên chính phủ.
- d. Các tổ chức quốc tế phi chính phủ.

2. *Đối tượng điều chỉnh của Luật quốc tế là các quan hệ xã hội:*
 - a. Phát sinh trong phạm vi lãnh thổ quốc gia.
 - b. **Phát sinh giữa các chủ thể của Luật quốc tế.**
 - c. Phát sinh giữa các tổ chức quốc tế với nhau.
 - d. Cả 3 nhóm quan hệ trên.
3. *Biện pháp cưỡng chế trong Luật quốc tế bao gồm:*
 - a. Cưỡng chế hành chính, cưỡng chế tập thể.
 - b. Cưỡng chế hình sự, cưỡng chế hành chính.
 - c. Cưỡng chế cá thể, cưỡng chế hình sự.
 - d. **Cưỡng chế cá thể, cưỡng chế tập thể.**
4. *Các nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế được cơ quan nào thông qua?*
 - a. Hội đồng Bảo an LHQ.
 - b. **Đại hội đồng LHQ.**
 - c. Ban Thư ký LHQ.
 - d. Tòa án công lý quốc tế.
5. *Có bao nhiêu nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế?*
 - a. 3
 - b. 5
 - c. **7**
 - d. 9
6. *Tuyên bố về các nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế được Liên hợp quốc thông qua vào năm:*
 - a. 1969
 - b. **1970**
 - c. 1975
 - d. 1994
7. *Theo qui chế của Tòa án quốc tế Liên hợp quốc, cơ quan nào của LHQ có chức năng giải quyết hoà bình các tranh chấp quốc tế?*
 - a. **Hội đồng Bảo an LHQ.**
 - b. Đại hội đồng LHQ.
 - c. Hội đồng kinh tế - xã hội LHQ.

- d. Tòa án quốc tế.
- 8. *Đâu là cơ quan cao nhất của LHQ?*
 - a. Ban Thư ký LHQ.
 - b. Hội đồng Bảo an LHQ.
 - c. Đại hội đồng LHQ.
 - d. Hội đồng Quản thác.
- 9. *Đâu là cơ quan hoạch định chính sách cao nhất của ASEAN?*
 - a. Hội nghị thượng đỉnh ASEAN.
 - b. Hội nghị Bộ trưởng ASEAN.
 - c. Hội nghị Bộ trưởng kinh tế ASEAN.
 - d. Tổng Thư ký ASEAN.
- 10. *Cuộc họp các quan chức kinh tế cao cấp viết tắt là gì?*
 - a. SOM.
 - b. SEOM.
 - c. ASC.
 - d. JCM.
- 11. *Luật quốc tế là:*
 - a. Hệ thống pháp luật độc lập và có sự tác động với hệ thống pháp luật quốc gia
 - b. Hệ thống pháp luật phức hợp bao gồm cả pháp luật quốc gia
 - c. Ngành luật điều chỉnh quan hệ giữa các chủ thể luật quốc tế
 - d. Một hệ thống pháp luật tồn tại phụ thuộc vào pháp luật quốc gia và có giá trị pháp lý thấp hơn pháp luật quốc gia
- 12. *Đối tượng điều chỉnh của Luật quốc tế là:*
 - a. Các quan hệ liên quốc gia
 - b. Các quan hệ giữa các quốc gia thành viên Liên Hợp quốc
 - c. Các quan hệ giữa các chủ thể luật quốc tế với nhau.
 - d. Các quan hệ có yếu tố quốc tế
- 13. *Luật quốc tế và luật quốc gia là hai hệ thống pháp luật:*
 - a. Thống nhất

- b. Độc lập
- c. Biệt lập
- d. Độc lập nhưng có sự tác động qua lại lẫn nhau

14. *Cưỡng chế trong luật quốc tế:*

- a. Trong mọi trường hợp, phải dựa trên cơ sở quyết định của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc
- b. Do chính các chủ thể của luật quốc tế thực hiện trên cơ sở luật quốc tế.
- c. Chỉ là các biện pháp vũ trang
- d. Chỉ mang tính tập thể

15. *Các biện pháp cưỡng chế trong luật quốc tế là do:*

- a. Hội đồng bảo an liên hợp quốc áp dụng
- b. Đại hội đồng liên hợp quốc ra quyết định áp dụng đối với chủ thể vi phạm luật quốc tế
- c. Tòa án quốc tế áp dụng
- d. Chính các chủ thể của luật quốc tế thực hiện trên cơ sở phù hợp luật quốc tế

16. *Luật quốc tế có đối tượng điều chỉnh:*

- a. Đó là những quan hệ có tính chất liên quốc gia phát sinh trong đời sống quốc tế, thuộc tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội,...
- b. Các quan hệ xã hội phát sinh trong đời sống quốc tế
- c. Là các quan hệ hai bên hoặc nhiều bên
- d. Đó là các quan hệ về chính trị và thương mại

II. Nhận định sau đây đúng hay sai? Tại sao?

1. Nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế là quy phạm pháp luật quốc tế.
2. Luật Quốc tế là tổng thể các nguyên tắc và quy phạm điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia.
3. Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc là cơ quan cao nhất của Liên Hợp quốc.
4. Chủ thể của Luật quốc tế là các quốc gia có chủ quyền.
5. Trong mọi trường hợp, các chủ thể của Luật quốc tế không được sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

6. Nguồn của Luật quốc tế là các điều ước quốc tế.
7. Tập quán quốc tế không phải luật thành văn nên không phải nguồn của Luật quốc tế.
8. Hội nghị Bộ trưởng ASEAN là cơ quan hoạch định chính sách cao nhất của ASEAN.
9. Việt Nam chính thức trở thành thành viên ASEAN tại Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN lần thứ 27 ở Băng - Cốc (tháng 7/1994).
10. Cuộc họp tư vấn chung (Join Consultative Meeting - JCM) không bao gồm các Tổng vụ trưởng ASEAN.